

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 198 /BB - ĐHĐCĐ

## BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL

Trụ sở chính: Km9, Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3896 9612 Fax: (028) 3731 0154

Mã số Doanh nghiệp: 0305409326

Thời gian họp: 8 giờ 30 thứ sáu, ngày 14 tháng 04 năm 2023

Địa điểm họp: Khu du lịch Tân Cảng – Số A100, Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phần tham dự:

1. Hội đồng quản trị Công ty;
2. Ban kiểm soát Công ty;
3. Ban điều hành Công ty;
4. Cùng các vị Đại biểu, Quý cổ đông của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

### PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

#### I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

- Người báo cáo: Bà Đoàn Hồng Hà - Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu.
- Nội dung báo cáo:
  - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 17/03/2023, sở hữu 12.225.393 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.
  - Cổ đông tham dự Đại hội: 33 cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông (có mặt lúc 8h30), sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.837.253 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,6454% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
  - Đến giờ bỏ phiếu biểu quyết có 40 cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.862.433 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,8514% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
  - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

#### II. Bầu Đoàn Chủ tịch, Giới thiệu Thư ký, Bầu Ban Kiểm Phiếu.

##### 1. Bầu Đoàn Chủ tịch:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch đoàn
Ông Nguyễn Xuân Tiến	UV.HĐQT, TGD Công ty	Thành viên
Ông Cao Anh Kiệt	UV.HĐQT, Phó TGD	Thành viên

Đại hội biểu quyết đồng ý nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch với tỷ lệ: 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

**2. Giới thiệu Ban thư ký:**

Ông Vũ Xuân Trường	Thư ký HĐQT	Trưởng ban thư ký
Ông Bùi Phương Nam	CBKT	Thành viên

**3. Bầu Ban Kiểm Phiếu:**

Ông Mạc Như Nghi	TP.TCHC	Trưởng ban
Ông Ninh Quốc Khánh	BT.ĐTN	Thành viên
Bà Đào Bội Hiền	Chuyên viên	Thành viên

Đại hội biểu quyết đồng ý nhất trí thông qua danh sách Ban Kiểm Phiếu với tỷ lệ: 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

**III. Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.**

Đại hội nghe Ông Dương Minh Chính thay mặt Đoàn chủ tịch thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua Chương trình ĐH, Quy chế làm việc của Đại hội với tỷ lệ: 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

**PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

**Nội dung 1:** Báo cáo Tổng kết công tác SXKD năm 2022, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm công tác SXKD năm 2023 (có báo cáo kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Cao Anh Kiệt – UV.HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty;

**Nội dung 2:** Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Hội đồng quản trị (có báo cáo kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT Công ty;

**Nội dung 3:** Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty (có báo cáo kèm theo).

*Người trình bày:* Bà Đoàn Hồng Hà – Trưởng ban kiểm soát;

**Nội dung 4:** Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (có báo cáo kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 5:** Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính - Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 6:** Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2023 (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 7:** Tờ trình về phân phối lợi nhuận 31/12/2022 và dự kiến chia cổ tức, lập các quỹ năm 2023 (có tờ trình kèm theo).



*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 8:** Tờ trình về quyết toán thù lao HĐQT – BKS năm 2022 (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 9:** Tờ trình về kế hoạch thù lao HĐQT – BKS năm 2023 (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 10:** Tờ trình về ủy quyền HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán 2023 (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 11:** Tờ trình về giao dịch nội bộ trên 10% tổng tài sản (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 12:** Tờ trình về bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

**Nội dung 13:** Tờ trình về bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 (có tờ trình kèm theo).

*Người trình bày:* Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT;

### **PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ GIẢI ĐÁP CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH:**

1. Bà Cù Thị Thuận: MSCĐ - 0540

- Cho hỏi kế hoạch sản xuất năm 2023
- Cho hỏi kế hoạch lợi nhuận năm 2023

Giải đáp của Đoàn Chủ tịch:

- Năm 2023 Công ty trình ra Đại hội không có kế hoạch sản xuất, chỉ có kế hoạch tiêu thụ thép cán 110.000 tấn là vì Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP đơn vị chủ quản hiện nay chuyển về SCIC, mà ở trên SCIC thì chỉ có giao sản lượng tiêu thụ 110.000 tấn (để giữ thị phần) và lợi nhuận trước thuế 15,0 tỷ đồng.

- Tuy nhiên Công ty cũng đã trình ra ĐHCĐ là giao quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD khi có sự thay đổi cho phù hợp. Và có khả năng phải xin giảm lợi nhuận trước thuế năm 2023 xuống.

2. Ông Trương Cảnh Duy Phong: MSCĐ - 0309

- Cho hỏi kết quả SXKD quý 1 thế nào
- cho hỏi về dài hạn ở trang 23 trong báo cáo tài chính có ý: chuyển nhượng khu đất của Công ty mà có 110 tỷ có hợp lý không.

Giải đáp của Đoàn Chủ tịch:

- Giá trị hỗ trợ bồi thường tài sản trên đất theo thỏa thuận với FIRICO ngày xưa là họ hỗ trợ tiền đi đời, chứ toàn bộ giá trị sử dụng đất trước tới nay là thuê của nhà nước hàng năm. Tuy nhiên hiện nay Công ty đã ngưng thỏa thuận

này, nhưng đối tác học vẫn đặt cọc để ở Công ty 50 tỷ (không lấy lãi) để cho họ được ưu tiên lựa chọn sau này.

- Về kết quả SXKD quý 1 của Công ty: có lãi 5,6 tỷ đồng và đã công bố thông tin trên đại chúng.

#### PHẦN IV

#### CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ CÁC TỜ TRÌNH

Lúc 9 giờ 45 phút, cổ đông tham dự Đại hội: 40 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.862.433 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,8514% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín các nội dung sau do ông Mạc Như Nghi - Trưởng ban kiểm phiếu trình bày (có biên bản kiểm phiếu biểu quyết kèm theo):

Tại thời điểm bỏ phiếu biểu quyết lúc 10h35:

- Số phiếu thu về 39 đại biểu đại diện cho 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,9991%.
- Số phiếu không thu về 1 đại biểu đại diện cho 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0009%.

**Nội dung 1: Báo cáo Tổng kết công tác SXKD năm 2022, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm công tác SXKD năm 2023**

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 38	- Số cổ phần: 10.859.363	Tỷ lệ: 99,9717% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành:	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 1	- Số cổ phần: 2.970	- Tỷ lệ: 0,0273% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9717%.

**Nội dung 2: Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Hội đồng quản trị**

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 39	- Số cổ phần: 10.862.333	- Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

**Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty**

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 39	- Số cổ phần: 10.862.333	- Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp
------------------------	--------------------------	-------------------------------



Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

#### **Nội dung 4: Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022**

##### **➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 39	- Số cổ phần: 10.862.333	- Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua. Với tỷ lệ 99,9991%

#### **Nội dung 5: Thông qua Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

##### **➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 39	- Số cổ phần: 10.862.333	- Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

#### **Nội dung 6: Thông qua Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2023**

##### **➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 38	- Số cổ phần: 10.857.383	- Tỷ lệ: 99,9535% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu trắng: 1	- Số cổ phần: 4.950	- Tỷ lệ: 0,0456% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9535%.

#### **Nội dung 7: Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận 31/12/2022 và dự kiến chia cổ tức, lập các quỹ năm 2023**

##### **➤ Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 37	- Số cổ phần: 10.856.283	- Tỷ lệ: 99,9434% CPBQ dự họp
------------------------	--------------------------	-------------------------------

Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 2	- Số cổ phần: 6.050	- Tỷ lệ: 0,0557% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9434%.

**Nội dung 8: Thông qua Tờ trình về quyết toán thù lao HĐQT – BKS năm 2022**

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 39	- Số cổ phần: 10.862.333	- Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

**Nội dung 9: Thông qua Tờ trình về kế hoạch thù lao HĐQT – BKS năm 2023**

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 39	- Số cổ phần: 10.862.333	- Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 9 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

**Nội dung 10: Thông qua Tờ trình về ủy quyền HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023**

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 39	- Số cổ phần: 10.862.333	- Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

**Nội dung 11: Thông qua Tờ trình về giao dịch nội bộ trên 10% tổng tài sản**

Số phiếu được b/quyết: 35	- Số cổ phần: 2.901.563	- Tỷ lệ: 26,7119% CPBQ dự họp
Số phiếu k0 đc b/quyết: 4	- Số cổ phần: 7.960.770	- Tỷ lệ: 73,2872% CPBQ dự họp



Số phiếu không thu về: 1 - Số cổ phần: 100 - Tỷ lệ: 0,0009% CPBQ dự họp

➤ **Kết quả biểu quyết:** sau khi đã trừ các phiếu biểu quyết có liên quan

Số phiếu tán thành: 35 - Số cổ phần: 2.901.563 - Tỷ lệ: 99,9966% CPBQ dự họp

Số phiếu k0 tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9966%.

**Nội dung 12: Thông qua Tờ trình về bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028**

Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

▪ Ông Dương Minh Chính (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

▪ Ông Nguyễn Xuân Tiến (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

▪ Ông Cao Anh Kiệt (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

▪ Bà Nguyễn Thị Mai Khanh (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

▪ Ông Lê Bá Phương (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

- **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 39 - Số cổ phần: 10.862.333 - Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp

Số phiếu k0 tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 12 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

**Nội dung 13: Thông qua Tờ trình Bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028**

Thông qua danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

▪ Ông Đoàn Hồng Hà (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

▪ Ông Nguyễn Quốc Cường (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

▪ Ông Trần Minh Hạnh (Sơ yếu lý lịch đính kèm)

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 39 - Số cổ phần: 10.862.333 - Tỷ lệ: 99,9991% CPBQ dự họp

Số phiếu k0 tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp  
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 13 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%.

## PHẦN V

### BẦU CỬ TV HĐQT & TV BKS NHIỆM KỲ 2023 - 2028

1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội

Ông Mạc Như Nghi – Trưởng ban kiểm phiếu, Trình bày Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết đồng ý nhất trí thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử với tỷ lệ: 100 % bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT & thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua danh sách ứng cử.

3. Bỏ phiếu bầu cử.

## PHẦN VI

### CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU CỬ

Kết quả bầu cử thành viên HĐQT & thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028

STT	Họ Tên ứng viên	Vị trí đề cử	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Dương Minh Chính	UV.HĐQT	100,2499
2	Nguyễn Xuân Tiến	UV.HĐQT	100,1132
3	Cao Anh Kiệt	UV.HĐQT	100,1139
4	Nguyễn Thị Mai Khanh	UV.HĐQT	99,4497
5	Lê Bá Phương	UV.HĐQT	99,4496

STT	Họ Tên ứng viên	Vị trí đề cử	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Đoàn Hồng Hà	TV.BKS	100,1061
2	Nguyễn Quốc Cường	TV.BKS	100,1432
3	Trần Minh Hạnh	TV.BKS	99,4556

(có biên bản bầu cử kèm theo)



**PHẦN VII**

**THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

Ông Vũ Xuân Trường – Thư ký Đại hội đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với 100 % số phiếu tán thành.

Đại hội kết thúc hồi 12 giờ 00 phút cùng ngày.

**TM. THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Vũ Xuân Trường**



**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH ĐOÀN  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP THỦ ĐỨC  
- VNSTEEL**  
**Dương Minh Chính**

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

### BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL Năm  
2023

Vào hồi 10 giờ 35 phút, ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại A100, Ung Văn Khiêm, Phường 25,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Mạc Như Nghi

Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu

Ông : Hoàng Đức Kiên

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Bà : Đào Bội Hiền

Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức  
VNSTEEL tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số lượng Đại biểu tham gia: 40

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 86

Đại diện cho: 10.862.433 phiếu biểu quyết

Chiếm: 88,8514% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu  
quyết

#### Kết quả kiểm phiếu:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 40 đại diện cho 10.862.433 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000%  
tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 39 đại diện cho 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9991% tính  
trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 1 đại diện cho 100 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0009% tính  
trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

#### Kết quả kiểm phiếu chi tiết từng nội dung như sau:

Nội dung 01: Báo cáo Tổng kết công tác SXKD năm 2022, kế hoạch nhiệm vụ trọng  
tâm công tác SXKD năm 2023

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991%  
tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.859.363 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9717% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 1 đại diện cho: 2.970 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0273% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 01 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9717%

Nội dung 02: Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Hội đồng quản trị

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 02 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

Nội dung 03: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 03 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

**Nội dung 04: Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



Như vậy Nội dung 04 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

**Nội dung 05: Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 05 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

**Nội dung 06: Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2023**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 38 đại diện cho: 10.857.383 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9535% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 1 đại diện cho: 4.950 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0456% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 06 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9535%

**Nội dung 07: Tờ trình về phân phối lợi nhuận 31/12/2022 và dự kiến chia cổ tức, lập các quỹ năm 2023**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 37 đại diện cho: 10.856.283 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9434% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 2 đại diện cho: 6.050 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0557% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 07 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9434%

**Nội dung 08: Tờ trình về quyết toán thù lao HĐQT – BKS năm 2022**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 08 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

**Nội dung 09: Tờ trình về kế hoạch thù lao HĐQT – BKS năm 2023**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 09 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

**Nội dung 10: Tờ trình về ủy quyền HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán 2023**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 10 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

**Nội dung 11: Tờ trình về giao dịch nội bộ trên 10% tổng tài sản**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 35 đại diện cho: 2.901.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9966% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 35 đại diện cho: 2.901.563 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9966% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 11 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9966%

**Nội dung 12: Tờ trình về bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 12 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

**Nội dung 13: Tờ trình về bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028**

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu tán thành: 39 đại diện cho: 10.862.333 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9991% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không tán thành: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu trắng: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: 0 đại diện cho: 0 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Như vậy Nội dung 13 đã được thông qua với tỷ lệ 99,9991%

Biên bản được lập lúc 10 giờ 35 phút ngày 14 tháng 4 năm 2023 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL Năm 2023.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Hoàng Đức Kiên

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Mạc Như Nghi

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Đào Bội Hiền





Ngày 14 tháng 4 năm 2023

### BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL năm 2023

Vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại A100, Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Ban kiểm phiếu gồm:

Ông : Mạc Như Nghi	Chức vụ : Trưởng ban kiểm phiếu
Ông : Hoàng Đức Kiên	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu
Bà : Đào Bội Hiền	Chức vụ : Thành viên ban kiểm phiếu

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và bầu cử Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Số lượng Đại biểu tham gia: 40

Số lượng Đại biểu ủy quyền: 86

Đại diện cho: 10.862.433 phiếu biểu quyết

Chiếm: 88,8514% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết

#### I. Bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028

Tổng số tờ phiếu phát ra:	40 đại diện cho:	10.862.433 phiếu biểu quyết, chiếm: 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đồng dự họp.
Tổng số tờ phiếu thu về:	38 đại diện cho:	10.859.073 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9691% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đồng dự họp.
Số tờ phiếu hợp lệ:	36 đại diện cho:	10.854.283 phiếu biểu quyết, chiếm: 99,9250% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đồng dự họp.
Số tờ phiếu không hợp lệ:	2 đại diện cho:	4.790 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0441% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đồng dự họp.
Tổng số tờ phiếu không thu về:	2 đại diện cho:	3.360 phiếu biểu quyết, chiếm: 0,0309% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đồng dự họp.

Kết quả chi tiết :



Họ và tên ứng viên: Dương Minh Chính  
Số tờ phiếu tán thành: 35 đại diện cho: 10.889.576 phiếu bầu,  
chiếm: 100,2499% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Xuân Tiến  
Số tờ phiếu tán thành: 34 đại diện cho: 10.874.726 phiếu bầu,  
chiếm: 100,1132% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Cao Anh Kiệt  
Số tờ phiếu tán thành: 35 đại diện cho: 10.879.806 phiếu bầu,  
chiếm: 100,1139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Thị Mai Khanh  
Số tờ phiếu tán thành: 27 đại diện cho: 10.802.653 phiếu bầu,  
chiếm: 99,4497% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Lê Bá Phương  
Số tờ phiếu tán thành: 28 đại diện cho: 10.802.428 phiếu bầu,  
chiếm: 99,4476% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Vật danh sách trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị gồm 5 ứng cử viên sau:

Họ và tên ứng viên: Dương Minh Chính  
Số tờ phiếu tán thành: 35 đại diện cho: 10.889.576 phiếu bầu,  
chiếm: 100,2499% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Cao Anh Kiệt  
Số tờ phiếu tán thành: 35 đại diện cho: 10.874.806 phiếu bầu,  
chiếm: 100,1139% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Xuân Tiến  
Số tờ phiếu tán thành: 34 đại diện cho: 10.874.726 phiếu bầu,  
chiếm: 100,1132% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.



Họ và tên ứng viên: Nguyễn Thị Mai Khanh  
Số tờ phiếu tán thành: 27 đại diện cho: 10.802.653 phiếu bầu,  
chiếm: 99,4497% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự  
họp.

Họ và tên ứng viên: Lê Bá Phương  
Số tờ phiếu tán thành: 28 đại diện cho: 10.802.428 phiếu bầu,  
chiếm: 99,4476% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự  
họp.

## II. Bầu cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Tổng số tờ phiếu phát ra: 40 đại diện cho: 10.862.433 phiếu biểu quyết,  
chiếm: 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ  
đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 38 đại diện cho: 10.859.363 phiếu biểu quyết,  
chiếm: 99,9691% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông  
dự họp.

Số tờ phiếu hợp lệ: 37 đại diện cho: 10.857.763 phiếu biểu quyết,  
chiếm: 99,9570% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông  
dự họp.

Số tờ phiếu không hợp lệ: 1 đại diện cho: 1.600 phiếu biểu quyết,  
chiếm: 0,0147% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự  
họp.

Tổng số phiếu không thu về: 2 đại diện cho: 3.070 phiếu biểu quyết,  
chiếm: 0,0283% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự  
họp.

### Kết quả chi tiết :

Họ và tên ứng viên: Đoàn Hồng Hà  
Số tờ phiếu tán thành: 36 đại diện cho: 10.873.953 phiếu bầu, chiếm: 100,1061% tính trên tổng số  
phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Quốc Cường  
Số tờ phiếu tán thành: 36 đại diện cho: 10.877.983 phiếu bầu, chiếm: 100,1432% tính trên tổng số  
phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Trần Minh Hạnh  
Số tờ phiếu tán thành: 29 đại diện cho: 10.803.293 phiếu bầu, chiếm: 99,4556% tính trên tổng số  
phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.





Vậy danh sách trúng cử Kiểm soát viên gồm 3 ứng cử viên sau:

Họ và tên ứng viên: Nguyễn Quốc Cường  
Số tờ phiếu tán thành: 36 đại diện cho: 10.877.983 phiếu bầu, chiếm: 100,1432% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Đoàn Hồng Hà  
Số tờ phiếu tán thành: 36 đại diện cho: 10.873.953 phiếu bầu, chiếm: 100,1061% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Họ và tên ứng viên: Trần Minh Hạnh  
Số tờ phiếu tán thành: 29 đại diện cho: 10.803.293 phiếu bầu, chiếm: 99,4556% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Biên bản được lập lúc 11 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2023 và đã được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL Năm 2023.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Hoàng Đức Kiên

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



Mạc Như Nghi

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



Đào Bội Hiền

Số : 199/NQ - ĐHCĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL**

**Căn cứ:**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel, ngày 14/04/2023;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 01.** Thông qua Báo cáo Tổng kết công tác SXKD năm 2022, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm công tác SXKD năm 2023.

Số cổ phần tán thành là 10.859.363 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9717% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 02.** Thông qua Báo cáo Tổng kết của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 03.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 về kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty.

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 04.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 05.** Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh chính năm 2023 như sau:

- Tiêu thụ thép xây dựng : 110.000 tấn.
- Lợi nhuận trước thuế : 15,0 tỷ đồng.

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



**Điều 06.** Thông qua Tờ trình kế hoạch đầu tư năm 2023.

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
<b>I. DỰ ÁN MỚI</b>				
1	Máy cắt dầu K5	3.000	Vốn DN	Trang bị mới
2	Cải tạo hệ thống nước PXC	1.500	Vốn DN	
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>4.500</b>	Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn	

Số cổ phần tán thành là 10.857.383 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9535% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 07.** Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận tại 31/12/2022 và dự kiến về phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2023.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 là **124.413.489.548 đồng**, trong đó:

- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước: 125.383.764.574 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: - 970.275.026 đồng

Trên cơ sở nhu cầu về vốn, chuẩn bị công tác di dời, Đội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ thường niên xem xét cho Công ty tiếp tục giữ lại lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022, nhằm phục vụ công tác đầu tư trong thời gian tìm kiếm vị trí mới, với số tiền: **124.413.489.548 đồng**.

1. Kế hoạch lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế	15.000.000.000 (đồng)
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	12.000.000.000 (đồng)
Tổng vốn điều lệ	122.253.930.000 (đồng)

2. Kết quả chia lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN được chia 12.000.000.000 đồng như sau:

Stt	Nội dung phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %/LNPP	Tỷ lệ %/VĐL
01	Chia lãi cổ phần bằng tiền mặt	9.780.314.400	81,5%	8,0%
02	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000	16,67%	
03	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	200.000.000	1,67%	



04	Lợi nhuận để lại đầu tư di dời	19.685.600	0,16%	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>100%</b>	

Số cổ phần tán thành là 10.856.283 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9434% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 08.** Thông qua Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT – BKS năm 2022.

Quyết toán thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2022 như sau:

**1. Mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua:**

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

**2. Mức thù lao thực hiện năm 2022:**

Năm 2022 Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel có 02 thành viên Hội đồng Quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty không trả lương hàng tháng; 01 thành viên BKS kiêm nhiệm chuyên môn nghiệp vụ được hưởng thù lao. Mức thù lao Công ty chi trả như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đồng)	Thù lao/năm (đồng)
01	Lê Bá Phương	UV.HĐQT	4.000.000	48.000.000
02	Ngô Sỹ Hiếu	UV.HĐQT (Miễn nhiệm 29/3/2022)	4.000.000	12.000.000
03	Nguyễn Thị Mai Khanh	UV.HĐQT Bổ nhiệm 29/3/2022	4.000.000	36.000.000
04	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000
05	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
06	Nguyễn Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>216.000.000</b>

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 9.** Thông qua Tờ trình kế hoạch thù lao HĐQT – BKS năm 2023.

Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.

- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thư ký Công ty: 3.000.000 đồng/tháng.

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý của năm.

Đối với các nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mà làm việc trực tiếp tại Công ty, được Công ty trả lương chức danh hàng tháng thì không hưởng thù lao chức trách kiêm nhiệm.

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 10.** Thông qua Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2023

ĐHĐCĐ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 11.** Thông qua Tờ trình về giao dịch nội bộ trên 10% tổng tài sản.

Stt	Tên khách hàng	Số lượng (tấn)/tháng	Hạn mức tín chấp (tỷ đồng)	Thời hạn thanh toán	Ghi chú
01	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	10.000 ÷ 20.000	210	- nội địa: 3 ngày - xuất khẩu: 40 ngày	Giá bán cho TMN bằng với giá TMN bán cho khách hàng
02	Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	1.000 ÷ 3.000	45	- từ 5 ÷ 15 ngày	Giá bán theo giá thị trường
03	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.000 ÷ 5.000	75	- từ 5 ÷ 15 ngày	Giá bán theo giá thị trường

Sau khi đã trừ các phiếu biểu quyết của người có liên quan số phiếu tán thành là 2.901.563 cổ phần chiếm tỷ lệ 99,9966% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 12.** Thông qua Tờ trình về bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 (có tờ trình kèm theo sơ yếu lý lịch)

Số cổ phần tán thành 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 13.** Thông qua Tờ trình về bầu cử Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 (có tờ trình kèm theo sơ yếu lý lịch)

Số cổ phần tán thành là 10.862.333 cổ phần, chiếm tỷ lệ đồng ý 99,9991% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



**Điều 14.** Bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028.

STT	Họ Tên ứng viên	Vị trí đề cử	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Dương Minh Chính	UV.HĐQT	100,2499
2	Nguyễn Xuân Tiến	UV.HĐQT	100,1132
3	Cao Anh Kiệt	UV.HĐQT	100,1139
4	Nguyễn Thị Mai Khanh	UV.HĐQT	99,4497
5	Lê Bá Phương	UV.HĐQT	99,4496

STT	Họ Tên ứng viên	Vị trí đề cử	Tỷ lệ phiếu bầu (%)
1	Đoàn Hồng Hà	TV.BKS	100,1061
2	Nguyễn Quốc Cường	TV.BKS	100,1432
3	Trần Minh Hạng	TV.BKS	99,4556

**Điều 15.** Đại hội nhất trí giao cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

**Điều 16.** Giao cho Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

*Nơi nhận:*

- TCT Thép Việt Nam – CTCP;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Cổ đông;
- UBCK NN. Sở GDCK HN;
- Lưu: VT, HĐQT.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP THỦ ĐỨC  
- VNSTEEL**

**DƯƠNG MINH CHÍNH**



Số: 125/BC - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022**  
**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023**

**PHẦN I.**  
**TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2022**

**I. TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2022:**

*Tình hình thế giới:*

Đầu năm giá cả nguyên liệu cho sản xuất thép như quặng, sắt thép vụn, phôi thép, thép thành phẩm ... có chiều hướng tăng và tăng mạnh đến cuối Quý 1; Từ Quý 2 giá cả nguyên liệu cho sản xuất thép như quặng, sắt thép vụn, phôi thép, thép thành phẩm ... lại có chiều hướng giảm và giảm liên tục đến cuối năm.

Vận chuyển quốc tế khó khăn (đứt gãy chuỗi cung ứng) làm cho vật tư nguyên vật liệu nhập khẩu về Việt Nam khó khăn. Giá cả vật tư nguyên vật liệu cho sản xuất tăng cao như (điện cực, Fero, VLCL ...).

Dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới, Trung Quốc phong tỏa nhiều tỉnh thành phố.

Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc còn căng thẳng, bất ổn chính trị nhiều nơi; đặc biệt chiến tranh quân sự giữa Nga và Ucraina gây bất ổn nghiêm trọng đến kinh tế thế giới.

Lạm phát tại các nước trên thế giới tăng cao có nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu.

*Tình hình kinh tế trong nước:*

Kinh tế vĩ mô trong nước gặp khó khăn; lạm phát tăng; giá xăng dầu, giá vàng, tỷ giá đô la biến động mạnh. Đầu tư công thấp, các ngân hàng xiết chặt tín dụng BĐS.

*Tình hình thị trường thép trong nước:*

Quý 1 tốc độ tăng giá bán chậm hơn tốc độ tăng giá nguyên liệu đầu vào như sắt thép phế liệu ... do vậy lợi nhuận không cao. Từ Quý 2 đến cuối năm thị trường lao dốc, tốc độ giảm giá bán nhanh hơn tốc độ xuống giá phế liệu đầu vào. Thị trường trong nước tiêu thụ chậm, sức mua yếu cho nên không đảo hàng tồn kho được do vậy SXKD gặp nhiều khó khăn. Cạnh tranh mạnh giữa các thương hiệu như VAS, Pomina, Vinakyoei và đặc biệt là Hòa Phát.

*Thép Thủ Đức:* Quý 1/2022 có kế hoạch sửa chữa lớn thiết bị tại xưởng luyện và xưởng cán; kết hợp sản xuất ngưng cao điểm giảm hàng tồn kho và sản xuất lò điện cảm ứng; từ ngày 17/02/2022 sản xuất công nghệ lò gas để bổ sung thời ngội vào cán tăng sản

lượng do vậy sản lượng Quý 1 tương đối cao. Từ Quý 2 đến hết năm sản xuất bằng lò điện cảm ứng và chỉ sản xuất ca đêm để tiết giảm hàng tồn kho, riêng tháng 10 chỉ sản xuất 3 ngày, tháng 12 ngưng sản xuất cả tháng do vậy sản lượng rất thấp.

## II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

### 1. Kết quả sản xuất – kinh doanh:

\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2022:

T T	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2022			So với năm 2021	
			Lũy kế thực hiện năm	% so KH được giao	Ghi chú	Thực hiện năm 2021	% so cùng kỳ 2021
1	Sản xuất: (tấn) - Phôi thép Trong đó gia công - Thép cán	170.000 - 160.000	110.103 10.862 97.090	64,8 - 60,7		163.298 1.062 140.710	61,9 1.022,8 69,0
2	Tiêu thụ: (tấn) - Thép cán - Phôi thép	160.000 - -	101.751 11.312 -	63,6 - -		131.335 24.245 -	77,5 46,7 -
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	24,3	0,115	0,47		56,1	0,21
4	Thu nhập bình quân (tr.đ/người/tháng)	-	18,0	-		21,0	85,7

Trong năm 2022 các chỉ tiêu về sản xuất thép thỏi, thép cán và tiêu thụ thép cán đạt từ 60,7% ÷ 64,8% kế hoạch năm; đạt từ 67,4% ÷ 76,8% so cùng kỳ 2021.

Chỉ tiêu về lợi nhuận: có lãi 0,115 tỷ đồng.

### 2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, công tác trọng tâm năm 2022:

#### a. Sản xuất.

- Sản xuất phôi thép không ổn định, sản lượng đạt 64,8% so kế hoạch năm và bằng 67,4% so với cùng kỳ 2021. Vì Quý 1 có kế hoạch sửa chữa thiết bị và có tết cổ truyền; Từ Quý 2 tiêu thụ chậm phải giảm tồn kho (chỉ sản xuất ca đêm) và ngưng sửa chữa thiết bị.

- Sản xuất thép cán cũng vậy Quý 1 có kế hoạch sửa chữa và có tết cổ truyền; Từ Quý 2 tiêu thụ chậm phải giảm tồn kho (chỉ sản xuất ca đêm) và ngưng sửa chữa thiết bị do vậy sản lượng thấp đạt 60,7% so với kế hoạch năm và bằng 69,0% so với cùng kỳ 2021.

- Tiêu thụ thép cán sản lượng thấp do tình hình chung thế giới như chiến tranh Nga-Ucraina, kinh tế trong nước khó khăn, đầu tư công thấp, Ngân hàng xiết tín dụng BĐS ... do vậy chỉ đạt 63,0% so với kế hoạch năm và bằng 76,8% so với cùng kỳ 2021.

#### b. Công tác kỹ thuật, đầu tư, an toàn.

- Sửa chữa lớn thiết bị hệ thống hút bụi, máy đúc liên tục, che chắn nhà xưởng luyện thép.

- Sửa chữa động cơ máy cán.



- Sửa chữa lớn thiết bị tại xưởng cán thép, sửa chữa lò nung gas, lắp đặt thêm giá cán.
- Lắp đặt thêm giá cán K5.
- Tổng giá trị đầu tư trong năm 4,3 tỷ đồng
- Hoàn thiện việc lập các Kế hoạch năm 2022: Hiệu chỉnh, kiểm định thiết bị đo, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, kế hoạch BHLĐ, kế hoạch đầu tư, SCL ...
- Huấn luyện an toàn và kiểm định các thiết bị an toàn đến hạn.
- Công tác ATLĐ, VSMT thực hiện tốt, hoàn thiện các hợp đồng chuyển giao chất thải, xử lý các vấn đề về AT-VSLĐ, môi trường. Trong năm không có tai nạn lao động nặng.
- Đầu tư tăng tài sản CỐ ĐỊNH: Máy phân tích quang phổ.
- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo bảng.

**Chỉ tiêu KTKT năm 2022:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	ĐM BQ 2022	T/hiện năm 2022	T/hiện 2021	So sánh ĐM %	So sánh cùng kỳ %
<b>Phôi thép</b>							
1	Điện năng tổng (cả phụ trợ)	Kwh/T	590	609	585	103,2	104,1
2	Phế liệu	T/T	1,140	1,107	1,133	97,1	97,7
3	FeSi	Kg/T	3,0	0,932	1,141	31,1	81,7
4	SiMn	Kg/T	10,0	6,035	7,193	60,0	83,9
5	Điện cực	Kg/T	2,3	2,072	2,195	90,1	94,4
<b>Thép cán</b>							
1	Tiêu hao phôi (t/hao thực tế)	T/T	1,030	1,027	1,030	99,7	99,7
2	Tiêu hao Gas	Sm <sup>3</sup> /T	20	23,0	20,7	115,0	111,2
	S.lượng lò gar	Tấn		30.113	100.799		
3	Điện lò nung	Kwh/T	100	118	143	118,0	82,5
	S.lượng lò điện	Tấn		66.977	39.910		
4	Điện cán	Kwh/t	90	107	100	118,9	107,0

+ Do sản xuất gián đoạn cho nên tiêu hao điện luyện cao hơn định mức và cao hơn cùng kỳ. ✓

+ Do sản xuất qua lò gas sản lượng ít mà bổ sung thổi nguội nhiều cho nên tiêu hao gas cao hơn định mức và cao hơn cùng kỳ. ✓



### **c. Công tác đầu tư dự án nhóm B:**

- Công ty cũng đang khẩn trương tìm kiếm các địa điểm phù hợp có thể triển khai sớm dự án di dời để báo cáo TCT (trong năm đã khảo sát địa điểm tại tỉnh Long An và tỉnh Vĩnh Long).

- Mặt khác, công ty vẫn theo dõi, thực hiện các công việc cần thiết gửi các Sở, Ban ngành của TPHCM để có thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất tại khu đất hiện hữu.

### **d. Công tác chất lượng:**

Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất được đẩy mạnh; hạn chế được sản phẩm không phù hợp ra thị trường.

Không có phản hồi của khách hàng về khiếu nại chất lượng sản phẩm.

### **e. Công tác cán bộ, lao động, tiền lương:**

- Công tác lao động, tiền lương: Đã lập xong kế hoạch lao động, kế hoạch đào tạo, kế hoạch tiền lương 2022, quyết toán xong tiền lương 2021.

- Công tác cán bộ: rà soát đưa vào danh sách và đưa ra khỏi danh sách quy hoạch theo đúng yêu cầu.

- Tuyển dụng lao động mới cho các đơn vị luyện, cán.

- Cơ cấu lại sản xuất và lao động.

+ Do nhiều yếu tố bất lợi trên thị trường thép đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động SXKD của Công ty. Liên tục nhiều tháng Công ty đã bố trí tiết giảm sản xuất, thu nhập người lao động giảm. Tháng 11/2022, Công ty tổ chức sắp xếp lại sản xuất kinh doanh theo mô hình 1 ca, 2 kíp (ca ngày ngưng sản xuất, chỉ sản xuất ca đêm: làm 12 giờ nghỉ 36 giờ), thực hiện sắp xếp lại tổ chức, giảm biên tinh gọn đội ngũ lao động... nhiều lao động lớn tuổi, sức khỏe kém và lao động có hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) được khuyến khích nghỉ việc có hỗ trợ chi phí. Song Công ty vẫn ưu tiên giữ lại và tuyển mới lao động trẻ, có tay nghề chuyên môn để đảm bảo có lực lượng lao động làm việc hiệu quả theo mô hình mới.

+ Các bộ phận gián tiếp thực hiện tinh giảm biên chế, sắp xếp lại lao động phù hợp với việc tổ chức sản xuất theo mô hình mới.

+ Trong năm số lao động giảm 88 người, công ty chi ra khoản tiền trợ cấp khoảng 4 tỷ đồng.

- Công tác hành chính, bảo vệ: Hoạt động bình thường.

- Công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho NLĐ: Đã khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Đã tập huấn sơ cấp cứu cho CBCNV là trưởng phó ca, tổ trưởng, an toàn viên ...

- Công tác khác: Tổ chức tốt ĐHCĐ thường niên năm 2022.

### **f. Công tác tài chính:**

- Đã cân đối chuẩn bị tốt dòng tiền trong thanh toán

- Hoàn thành lập và kiểm toán Báo cáo tài chính 2021, công bố thông tin đúng quy định.

- Hoàn tất thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên năm 2021.

- Thực hiện công tác phục vụ Đại hội đồng cổ đông 2022.

- Hoàn thành báo cáo giá thành hàng tháng.

- Thực hiện quyết toán và kiểm toán báo cáo bán niên năm 2022.

**g. Công tác thị trường.**

- Nắm bắt dự báo tình hình thị trường, triển khai kế hoạch sản xuất và tiêu thụ hợp lý. Duy trì và chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Thực hiện tốt công tác cung ứng vật tư nguyên vật liệu cho sản xuất.

- Kết hợp hài hòa tiêu thụ thép cán và thép thỏi để giữ ổn định thu nhập người lao động.

- Phối hợp tốt với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel và các Công ty cổ phần trong kinh doanh thép /V/ theo đúng quy định 357 của Tổng Công ty.

**III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022.**

**1. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 04 cuộc họp. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch.HĐQT	4	4
02	Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên HĐQT	4	4
03	Cao Anh Kiệt	Ủy viên HĐQT	4	4
04	Nguyễn Thị Mai Khanh	Ủy viên HĐQT	3	3 Bỏ nhiệm ngày 30/3/2022
05	Ngô Sỹ Hiếu	Ủy viên HĐQT	1	1 Miễn nhiệm ngày 30/3/2022
06	Lê Bá Phương	Ủy viên HĐQT	4	4

**2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 06 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	67/NQ-VKC	24/01/2022	Về đánh giá kết quả công tác quý 4 và năm 2021; kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2022	100%
2	68/NQ-VKC	24/01/2022	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
3	67/NQ-VKC	24/01/2022	Hạn mức bán hàng tín chấp cho TMN 210 tỷ đồng, cho Chipmong 1 triệu đô la mỹ, cho Nhà bè 45 tỷ	100%
4	295/NQ-VKC	29/04/2022	Về đánh giá kết quả công tác quý 1 năm 2022, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 2 năm 2022	100%
5	581/NQ-VKC	15/08/2022	Về đánh giá kết quả công tác quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 3 năm 2022	100%
6	783/NQ-VKC	07/11/2022	Về đánh giá công tác quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022, kế hoạch quý 4 năm 2022	100%

### **3. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác:**

Trong năm qua Tổng giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 và các Nghị quyết họp từng quý của HĐQT.

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh không để xảy ra các sai phạm về công tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt nguồn lực đầy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Cán bộ quản lý tận tụy với công việc, gương mẫu, trung thực thực hiện nhiệm vụ.

Công ty đã chủ động tái cơ cấu (tiết giảm lao động, tiết giảm sản xuất v..), tăng cường chỉ đạo trong công tác sản xuất phôi thép và thép cán đáp ứng yêu cầu..

Nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu người tiêu dùng.



4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

- Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	Thù lao	Cộng
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	748.100	-	748.100
02	Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	750.200	-	750.200
03	Cao Anh Kiệt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	595.600	-	595.600
04	Ngô Sỹ Hiếu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm 30/3/2022)	15.000	12.000	27.000
05	Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm 30/3/2022)	-	36.000	36.000
06	Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT	15.000	48.000	63.000
07	Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám Đốc	603.600	-	603.600
08	Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban kiểm soát	336.315	-	336.315
09	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên BKS	285.859	36.000	321.859
10	Trần Minh Hạnh	Thành viên BKS	5.000	36.000	41.000
11	Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	539.400	-	539.400
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.894.074</b>	<b>168.000</b>	<b>4.062.074</b>

V. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH.

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó: *Không có*
2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: *Không có*

## PHẦN II. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC NĂM 2023

### I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2023:

Tình hình thế giới: Giá một số mặt hàng như sắt thép vụn, phôi thép, quặng sắt ... cuối năm 2022 vẫn giảm mạnh, tuy nhiên đầu tháng 1/2023 đã quay đầu tăng. Trung Quốc có thể thay đổi chính sách zero covid, chiến tranh quân sự Nga-Ucraina diễn biến phức tạp. Thị trường thế giới năm 2023 sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung chưa có dấu hiệu tích cực cho thị trường. Nhiều nước trên thế giới tăng trưởng kinh tế âm, khủng hoảng và suy thoái kinh tế đang diễn hiện.

Thị trường trong nước: Giá nguyên liệu, sắt thép vụn và phôi thép cuối năm 2022 vẫn đang ở mức thấp và giảm liên tục, tuy nhiên đầu tháng 1/2023 đồng loạt quay đầu tăng theo giá thế giới; thị trường bất động sản vẫn trầm lắng, tính thanh khoản thấp, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh ... do vậy ảnh hưởng đến đầu ra cho thép xây dựng. Thị trường thép năm 2023 sẽ có nhiều thách thức và nhận định rất khó khăn và có thể biến động tăng/giảm bất thường; cạnh tranh mạnh giữa các thương hiệu về giá để giành thị phần đặc biệt là VAS, Hòa Phát do vậy tiêu thụ thép thành phẩm sẽ gặp khó khăn.

Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel: vẫn gặp rất nhiều khó khăn do phải tìm địa điểm di dời theo chủ trương của thành phố, vừa phải tiếp tục thực hiện các giải pháp để hoạt động tại khu đất hiện hữu.

### II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023:

#### 1. Sản xuất - kinh doanh.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 cũng như các dự báo tình hình trong và ngoài nước.

Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đặt ra như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch năm 2023	% so với năm 2022
1	Sản xuất phôi thép	Tấn	163.298	110.103	120.000	109,0
2	Sản xuất thép cán	Tấn	140.710	97.090	110.000	113,3
3	Tiêu thụ thép cán	Tấn	131.335	101.751	110.000	108,1
4	Tiêu thụ phôi	Tấn	20.245	11.313	8.000	70,7
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	56,0	0,115	15,0	13.043,0



- Trên đây là kịch bản cho trường hợp khả thi nhất. Giả thiết các chi phí bán hàng, quản lý, chi phí lãi vay ổn định, nếu thị trường tốt lên, dự kiến cả sản xuất và tiêu thụ tăng 10%, thì lợi nhuận trước thuế đạt 20 tỷ đồng, ngược lại, thị trường xấu đi, sản xuất và tiêu thụ giảm 10%, thì lợi nhuận trước thuế không có lãi.

- Phối hợp với Thép Miền Nam nắm bắt tình hình thị trường, điều hành sản xuất linh hoạt đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm thép cán nội địa và xuất khẩu.

- Giữ tồn kho nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhất để giảm chi phí tài chính.

- Thu mua kết hợp các nguồn, các loại liệu hợp lý để có giá thành tối ưu.

- Tìm giải pháp tiêu thụ thép thời, sản phẩm mới để ổn định đời sống tạo việc làm cho người lao động.

## **2. Công tác kỹ thuật, an toàn, đầu tư:**

- Triển khai các hạng mục trọng tâm đã được duyệt.

- Sửa chữa lớn thiết bị, nhà xưởng theo kế hoạch.

- *Đối với dự án di dời:* Tiếp tục tìm địa điểm để đầu tư di dời theo kế hoạch năm 2023.

- Tăng cường công tác an toàn trong sản xuất, tăng cường công tác quản lý máy móc thiết bị đặc biệt các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của luyện thép và cán thép.

- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ, BVMT.

- Hoàn thiện các thủ tục, chủ trương để được chấp thuận của các cấp các ngành cho gia hạn sản xuất tại khu đất hiện hữu (để được cấp giấy phép xả thải, cũng như được vay vốn ngân hàng ...).

## **3. Công tác tài chính.**

- Hoàn thành quyết toán năm 2022, kiểm toán niên độ tài chính năm 2022 theo quy định.

- Chuẩn bị kế hoạch dòng tiền đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát tốt chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm; phân tích đánh giá các chỉ tiêu chi phí đầu vào, chi phí tài chính, hiệu quả trong SXKD.

- Chuẩn bị tài chính để cho kế hoạch đầu tư thường xuyên (dự án nhóm C) và SCL năm 2023 theo quy định.

- Thực hiện báo cáo tài chính hàng tháng, công bố thông tin đúng quy định. Thực hiện tốt công tác chuyên môn hàng tháng. Thực hiện các công tác để tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023.

- Chấp hành thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc thực hiện vốn dự án, triển khai thực hiện các phương án vốn và giải ngân vốn cho dự án di dời (dự án nhóm B) nếu được duyệt.

## **4. Công tác quản lý CLSP.**

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm tiêu thụ ra thị trường không để lọt sản phẩm không phù hợp.

- Thực hiện đánh giá hợp quy, hợp chuẩn, đánh giá phòng thí nghiệm, đánh giá ISO 2015 theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm bên ngoài, kết hợp cùng phân xưởng cán thép kiểm soát tốt đóng bó sản phẩm.

#### 5. Công tác cán bộ, lao động - đời sống:

- Công tác lao động, tiền lương: Dự báo tình hình hoạt động sản xuất năm 2023 chưa ổn định, kế hoạch tuyển lao động vẫn ưu tiên cho bộ phận sản xuất nhằm dự phòng lực lượng khi tình hình sản xuất có chuyển biến tích cực.

- Công tác chính sách chế độ: Giải quyết đầy đủ chính sách chế độ cho CB.CNV.

- Tổ chức tham quan nghỉ mát du lịch cho CB.CNV.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ người và tài sản của Công ty.

- Đào tạo: Tổ chức lớp đào tạo chuyên ngành cho CBCNV trong công.

Nơi nhận:

- Cổ đông (b/c);
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP THỦ ĐỨC  
- VNSTEEL  
Đương Minh Chính





Số: 126/BC - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2018 - 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2018- 2023 như sau:

### 1. Tình hình chung:

Nhiệm kỳ 2018 – 2023 của HĐQT Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel diễn ra trong giai đoạn kinh tế thế giới biến động khó lường; cùng với tình hình chính trị bất ổn, xung đột diễn ra trên khắp các khu vực của thế giới. Dịch bệnh COVID 19 bùng phát trên toàn thế giới từ năm 2020, Chiến tranh quân sự Nga-Ucraina, vận chuyển logistics toàn cầu đứt gãy, tỷ giá do la biến động mạnh, giá vàng và giá xăng dầu tăng cao v..

Tại Việt Nam; Kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát v.. đều thể hiện bất cập nội tại, yếu kém. Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp như thắt chặt tín dụng, hạn chế đầu tư công v.. đã tác động mạnh đến các ngành sản xuất kinh doanh đặc biệt là xây dựng và kinh doanh bất động sản và do vậy ảnh hưởng trực tiếp nhất là ngành thép. Bên cạnh các tập đoàn thép lớn ở Việt Nam tăng cường năng lực sản xuất và xâm nhập thị trường như Fomosa, Posco, Hòa Phát, Vinakyoel, Túng Ho, Thép Trung tần v.. áp lực cạnh tranh gay gắt trên thị trường trong điều kiện hầu hết các yếu tố đầu vào biến động khó lường đã ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp ngành Thép Việt Nam.

Trong bối cảnh khó khăn của thị trường, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 đã cùng với Ban điều hành và toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tìm mọi biện pháp để duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; bên cạnh đó Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ đặc lực từ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trong mọi mặt công tác, vì vậy Công ty đã duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước củng cố ổn định bộ máy, tiếp tục đầu tư nâng cấp thiết bị công nghệ để nâng cao năng suất, giảm tiêu hao nâng cao chất lượng từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

### 2. Về nhân sự Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel gồm có 5 thành viên được Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức vào ngày 05/4/2018 bầu, như sau:

- + Ông Dương Minh Chính
- + Ông Nguyễn Phùng Hiền
- + Ông Cao Anh Kiệt
- + Ông Lê Bá Phương
- + Ông Lê Khắc Thành

Trong đó Ông Dương Minh Chính được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.



Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023, do việc nghi hường chế độ cũng như thay đổi nhân sự, Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đã có các quyết định:

+ Cử Ông Nguyễn Xuân Tiến tham gia ứng cử chức UV.HĐQT thay Ông Nguyễn Phùng Hiền kiêm Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2019.

+ Cử Ông Ngô Sỹ Hiếu tham gia ứng cử chức UV.HĐQT thay Lê Khắc Thành và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 05/4/2019.

+ Cử Bà Nguyễn Thị Mai Khanh tham gia ứng cử chức UV.HĐQT thay Ông Ngô Sỹ Hiếu và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 30/3/2022.

Các thành viên HĐQT hiện nay bao gồm:

+ Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch

+ Ông Nguyễn Xuân Tiến – Thành viên

+ Ông Cao Anh Kiệt - Thành viên

+ Ông Lê Bá Phương - Thành viên

+ Bà Nguyễn Thị Mai Khanh - Thành viên

### **3. Hoạt động chung của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023.**

Ngay từ đầu nhiệm kỳ HĐQT Công ty đã tuân thủ theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý điều hành đơn vị. HĐQT đã duy trì chế độ họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết kết luận cuộc họp, HĐQT thực hiện quyền quản lý điều hành trên cơ sở xem xét thảo luận và thông qua các kế hoạch, tờ trình, thông qua các báo cáo liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

Trong nhiệm kỳ 5 năm Công ty đã có những bước tiến bộ trong công tác quản trị cụ thể:

+ Cùng cố, sắp xếp, tinh gọn và hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức của bộ máy Công ty (trong năm 2022 Công ty đã cơ cấu lại sản xuất, tinh giảm đội ngũ CBCNV từ 380 người xuống hiện còn 317 người); bổ sung các Quy chế, Quy định và Nội quy phù hợp với phương thức quản lý mới nhằm quản lý tốt nguồn vốn đầu tư vào các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm chi phí cho Công ty. Đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu ngày càng cao phù hợp với tình hình mới.

+ Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 góp phần nâng cao năng lực quản trị, chất lượng sản phẩm của Công ty.

+ Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, khen thưởng kỷ luật; thực hành tốt chương trình tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng v.. góp phần hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua.

+ Đời sống vật chất tinh thần của CBCNV được nâng cao, thu nhập bình quân của người lao động không ngừng tăng đảm bảo cho người lao động yên tâm công tác, tái tạo sức lao động và cống hiến cho Công ty.

### **4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 – 2023:**



Trong nhiệm kỳ HĐQT thực hiện tốt các mục tiêu và định hướng mà Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua từng năm; thực hiện tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu, từng bước mở rộng thị trường; doanh thu và lợi nhuận tăng cao; thu nhập cho người lao động không ngừng tăng và ổn định.

Kết quả SXKD và thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2018 - 2023 được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện				
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
01	Sản xuất						
	Thép thời	Tấn	185.069	161.059	185.118	163.298	110.103
	Thép cán	Tấn	178.131	181.842	155.859	140.710	97.090
02	Tiêu thụ						
	Thép thời	Tấn	13.128	-	32.437	20.245	11.312
	Thép cán	Tấn	172.439	162.155	164.270	131.335	101.751
03	Doanh thu	Tỷ đồng	2.495	2.118	2.161		
04	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	43,3	36,8	27,2	56,1	0,115
05	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,9	29,3	21,6	44,77	-0,97
06	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	3,23	10,75	8,1	15,05	-0,33
07	Chia cổ tức	%	25	20	10	0	0
08	Thu nhập bình quân	Tr.đồng /người /tháng	15,4	17,1	18,7	20,4	18,0

#### 5. Về đầu tư tài sản cố định:

Giá trị còn lại tài sản cố định của Công ty qua các năm cụ thể như sau:

- + Năm 2018 : 52,9 tỷ đồng
- + Năm 2019 : 42,1 tỷ đồng
- + Năm 2020 : 28,7 tỷ đồng
- + Năm 2021 : 19,2 tỷ đồng
- + Năm 2022 : 15,9 tỷ đồng

Trong nhiệm kỳ vừa qua mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng HĐQT và Ban điều hành vẫn cân đối nguồn nhân lực để đầu tư trang thiết bị bổ sung nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, cụ thể:

+ **Năm 2018:** Trong năm tăng TSCĐ là 8,76 tỷ đồng trong đó: Máy tiện CNC CK 965HDx3000 : 3,6 tỷ đồng; Máy đóng gói thép : 1,154 tỷ đồng; Xe đào bánh xích Kobelco Model SK250-10 : 2,987 tỷ đồng, Máy phân tích quang phổ FOUNDRY MASTER PRO 2 : 1,02 tỷ đồng

+ **Năm 2019:** Trong năm tăng TSCĐ là 3,49 tỷ đồng trong đó: ĐỘNG CƠ DC 630KW CHO GIÁ K12-13 : 685 triệu đồng, Máy tiện vạn năng RML-1460V : 394 triệu đồng; MÁY GIẶT CÔNG NGHIỆP 3 PHA : 47 triệu đồng; Cầu trục 2 dầm : 810 triệu đồng, Cầu trục 2 dầm : 805 triệu đồng; Cân ngậm 100T : 707 triệu đồng; MÁY TÍNH XÁCH TAY DELL : 43,6 triệu đồng

+ **Năm 2020:** Trong năm tăng TSCĐ là 1,276 tỷ đồng trong đó: Xe ô tô tải Hyundai 51D-377.54 : 648,5 triệu đồng; Biến thế 3,6MVA 22/0.18KV : 559 triệu đồng, Máy giặt công nghiệp 1 pha : 69 triệu đồng

+ **Năm 2021:** Trong năm tăng TSCĐ là 1,875 tỷ đồng trong đó: Biến thế 2500 KVA 22/0.4KV : 740 triệu đồng, Xe bán tải Ford Ranger 51D-807.44 : 687,4 triệu đồng, Màn led Q2.5 Qiangli : 88,7 triệu đồng, Máy tính xách tay Dell XPS 13 : 59,2 triệu đồng, PHẦN MỀM QUẢN LÝ WORKIT : 300 triệu đồng

+ **Năm 2022:** Trong năm tăng TSCĐ là 4,3 tỷ đồng trong đó: Máy phân tích quang phổ 1,2 tỷ đồng, ĐỘNG CƠ K1-K3 CÁN THÔ : 3,1 tỷ đồng

Giá trị tài sản cố định tăng qua các năm là minh chứng cho sự cam kết của HĐQT không ngừng nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả hoạt động của Công ty

## **6. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã đảm bảo chế độ họp một quý một lần, thực hiện tốt dân chủ trong cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT Công ty còn thường xuyên trao đổi hàng ngày hoặc qua điện thoại để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh để đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp; HĐQT đã ban hành các Nghị quyết để thực hiện.

Biên bản cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo điều lệ. Do vậy các nội dung được HĐQT thông qua luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

## **7. Về công tác giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành.**

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Ban điều hành để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty vận hành theo mục tiêu và Nghị quyết của Đại



hội đồng cổ đông. HĐQT luôn có những chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời nhằm giúp ban điều hành phản ứng linh hoạt trước những biến động của thị trường.

#### 8. Một số hạn chế cần khắc phục trong nhiệm kỳ 2022 - 2023.

Ngoài những thành công nêu trên, HĐQT cũng còn có những hạn chế cần khắc phục trong nhiệm kỳ mới như:

- + Công tác marketing mở rộng thị trường phát triển thương hiệu, công tác đầu tư di dời Công ty v.. còn hạn chế.
- + Công tác gia hạn hoạt động tại khu đất hiện hữu còn hạn chế.
- + Công tác tổ chức cán bộ, nhân sự, lao động tiền lương còn hạn chế.

#### 9. Kết luận.

Nhiệm kỳ 2018 - 2023 của HĐQT Công ty đánh dấu nhiều cột mốc quan trọng, nhìn chung Công ty thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chủ trương mà Đại hội cổ đông thường niên hàng năm đề ra. Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, tạo tiền đề cho những bước phát triển Công ty thời gian tới; bên cạnh đó Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, người lao động, công tác xã hội từ thiện v.. và quan trọng hơn cả là đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ với các cổ đông.

Đây chính là kết quả và nỗ lực không ngừng của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cùng quyết tâm lớn của tập thể CBCNV toàn Công ty.

Tuy nhiên cũng như toàn ngành thép Việt Nam, Công ty cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức; đặc biệt trong công tác đào tạo tuyển dụng nguồn nhân lực, nhu cầu về nguồn vốn cho dự án di dời v..

Chúng ta tin tưởng rằng với uy tín và thương hiệu sẵn có, với sự đồng thuận và nhất trí của các cổ đông, sự nỗ lực đoàn kết của CBCNV; sự lãnh đạo chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel ngày càng phát triển vững mạnh.

Nơi nhận:

- HĐQT (b/c);
- Cổ đông (b/c);
- Lưu: VT, HĐQT.



Dương Minh Chính



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM SÁT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÁT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/3/2022;
- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC,

Thực hiện nhiệm vụ của năm 2022, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát như sau:

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÁT NĂM 2022

#### 1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 4 cuộc họp trong năm 2022 (bằng hình thức gửi mail). Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

#### 2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022

- Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Xem xét việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã đề ra;
- Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý số liệu tài chính của Công ty, qua đó lập các báo cáo của Ban kiểm soát;
- Xem xét thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

Được sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như các phòng ban Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu nhập thông tin tài liệu và các Nghị quyết, các báo cáo một cách kịp thời, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

### II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SÁT:

Mức thù lao Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel chi trả cho BKS trong năm 2022 như sau:



Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đ)	Thù lao/năm (đ)
01	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000
02	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
03	Nguyễn Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000

### III. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT NĂM 2022

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN		2022/ 2021	
	2022	2021	+ / -	%
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	1.843.409.543.319	2.323.957.622.450	-480.548.079.131	-20,7%
Giá vốn hàng bán	1.817.158.039.963	2.220.922.864.482	-403.764.824.519	-18,2%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	26.251.503.356	103.034.757.968	-76.783.254.612	-74,5%
Doanh thu hoạt động tài chính	964.052.509	1.961.133.245	-997.080.736	-50,8%
Chi phí tài chính	7.056.022.258	1.683.524.986	5.372.497.272	319,1%
Chi phí bán hàng	10.673.048.948	11.504.627.774	-831.578.826	-7,2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.278.160.257	36.182.272.253	-21.904.111.996	-60,5%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-4.791.675.598	55.625.466.200	-60.417.141.798	108,6%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.030.645	56.151.500.160	-56.036.469.515	-99,8%

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL so với kế hoạch 2022 và cùng kỳ 2021:

*Về sản xuất kinh doanh phi thép:* Sản lượng sản xuất đạt 110.102,7 tấn, đạt 64,7% kế hoạch, giảm 53.194,6 tấn và giảm 32,6% so với cùng kỳ; Tiêu thụ phi 11.312,4 tấn, giảm 8.932,3 tấn và giảm 44,1% so với cùng kỳ.

*Về sản xuất kinh doanh thép cán:* Sản lượng sản xuất đạt 97.090,4 tấn, đạt 60,6% kế hoạch, giảm 43.619,4 tấn và giảm 31% so với cùng kỳ; Tiêu thụ đạt 101.751 tấn, đạt 63,5% kế hoạch, giảm 29.615,6 tấn và giảm 22,5% so với cùng kỳ; Doanh thu đạt 1.667,2 tỷ đồng, giảm 374,2 tỷ và giảm 18,3% so với cùng kỳ.

Thị trường tiêu thụ thép giảm mạnh. Trong quý 1 sửa chữa lớn tại phân xưởng Luyện, Cán. Từ 10/04 Công ty chỉ sản xuất ca đêm bằng lò điện cảm ứng để tiết giảm hàng tồn kho. Trong quý 4 công ty ngừng sản xuất tháng 12 để giảm hàng tồn kho do thị trường tiêu thụ chậm.

Doanh thu bán hàng năm 2022 đạt 1.853,8 tỷ đồng, giảm 482,4 tỷ và giảm 20,7% so với 2021. Doanh thu này chủ yếu từ việc tiêu thụ thép cán 1.667,2 tỷ.

Các khoản giảm trừ doanh thu 10,4 tỷ đồng, giảm 1,9 tỷ và giảm 15,6% so với cùng kỳ do sản lượng tiêu thụ giảm.



Doanh thu thuần 1.843,4 tỷ đồng, giảm 480,5 tỷ và giảm 20,7%; Giá vốn 1.817,1 tỷ đồng, giảm 403,7 tỷ và giảm 18,2% so với cùng kỳ; Lợi nhuận gộp 26,2 tỷ giảm 76,7 tỷ và giảm 74,5%, do giá nguyên vật liệu tăng nhanh còn giá bán thép thì giảm mạnh.

Doanh thu hoạt động tài chính 964 triệu đồng giảm 997 triệu và giảm 50,8% so với cùng kỳ. Chi phí tài chính 7 tỷ tăng 5,3 tỷ và tăng 319% trong đó chi phí lãi vay 5,8 tỷ tăng 4,6 tỷ tăng 400% do hàng hóa tiêu thụ chậm, mặt bằng lãi suất tăng cao, tình trạng siết room tại các ngân hàng xảy ra.

Chi phí bán hàng 10,6 tỷ, giảm 831,5 triệu và giảm 7,2% là chi phí bốc xếp 4,5 tỷ giảm 1,8 tỷ so với cùng kỳ và chi phí thương hiệu chữ V 5,6 tỷ tăng 567,2 triệu do sản lượng tiêu thụ giảm.

Chi phí quản lý 14,2 tỷ giảm 21,9 tỷ và giảm 60,5% do: Trong năm hoàn nhập quỹ lương dự phòng năm trước và không trích lập khoản dự phòng quỹ lương năm sau. Thuế phí, lệ phí 8,9 tỷ tăng 2,3 tỷ tăng 36% do đơn giá thả nổi tăng hàng năm.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lỗ 4,7 tỷ giảm 60,4 tỷ và giảm 108,6%.

Lợi nhuận khác 4,9 tỷ tăng 4,3 tỷ và tăng 832,8% đây là khoản thu nhập 6,1 tỷ từ việc giảm tiền thuế 30% năm 2021, thu nhập từ thu hồi vật tư và chi phí ngưng sản xuất 1,2 tỷ đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 115 triệu đồng, đạt 0,4% kế hoạch, giảm 56 tỷ và giảm 99,8% so với 2021.

## 2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC; Thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý đầy đủ, rõ ràng đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

(Đơn vị tính: đồng)

	TÀI SẢN	31/12/2022	01/01/2022	+ / -	%
A.	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>353.075.507.490</b>	<b>547.510.996.566</b>	<b>(194.435.489.076)</b>	<b>-35,5</b>
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	32.612.653.924	14.102.510.075	18.510.143.849	131,3
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	59.250.860.472	79.797.719.108	(20.546.858.636)	-25,7
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	61.223.793.940	81.994.170.488	(20.770.376.548)	-25,3
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	204.990.000	312.962.800	(107.972.800)	-34,5
6	Phải thu ngắn hạn khác	572.405.118	341.900.120	230.504.998	67,4
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.750.328.586)	(2.851.314.300)	(100.985.714)	-3,5
IV.	Hàng tồn kho	254.411.957.836	423.314.080.902	(168.902.123.066)	-39,9
V.	Tài sản ngắn hạn khác	6.800.035.258	30.296.686.481	(23.496.651.223)	-77,6
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	4.743.155.605	5.846.665.244	(1.103.509.639)	-18,9
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.118.784.023	24.450.021.237	(23.331.237.214)	-95,4
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	938.095.630	-	938.095.630	100
B.	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>15.921.625.156</b>	<b>19.995.459.881</b>	<b>(4.073.834.725)</b>	<b>-20,4</b>
II.	Tài sản cố định	15.125.083.470	19.254.751.807	(4.129.668.337)	-21,4
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	783.360.018	703.360.018	80.000.000	11,4
VI.	Tài sản dài hạn khác	13.181.668	37.348.056	(24.166.388)	-64,7
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>368.997.132.646</b>	<b>567.506.456.447</b>		
	<b>NGUỒN VỐN</b>			<b>+ / -</b>	<b>%</b>
C.	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>77.869.272.145</b>	<b>270.070.420.920</b>	<b>(192.201.148.775)</b>	<b>-71,2</b>
I.	Nợ ngắn hạn	26.821.272.145	219.022.420.920	(192.201.148.775)	-87,8



1	Phải trả người bán ngắn hạn	3.119.917.326	48.615.409.103	(45.495.491.777)	-93,6
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.580.883	14.080.383	(499.500)	-3,5
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	228.760.680	1.749.178.782	(1.520.418.102)	-86,9
4	Phải trả người lao động	17.305.244.304	38.281.157.604	(20.975.913.300)	-54,8
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.937.435.920	9.809.695.332	(5.872.259.412)	-59,9
9	Phải trả ngắn hạn khác	878.038.446	925.478.233	(47.439.787)	-5,1
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		108.376.063.050	(108.376.063.050)	-100,0
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn		10.550.000.000	(10.550.000.000)	-100,0
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.338.294.586	701.358.433	636.936.153	90,8
II.	Nợ dài hạn	51.048.000.000	51.048.000.000	-	0,0
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	291.127.860.501	297.436.035.527	(6.308.175.026)	-2,1
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	368.997.132.646	567.506.456.447		

Nhận xét tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2022:

**\* Về tài sản:**

- Tiền và các khoản tương đương tiền đến cuối kỳ là 32,6 tỷ đồng tăng 18,5 tỷ đồng, tăng 131,3% so với đầu năm, trong đó:
  - + Tiền mặt 140,8 triệu đồng giảm 258,6 triệu đồng, giảm 64,7%.
  - + Tiền gửi không kỳ hạn 2,4 tỷ đồng giảm 11,2 tỷ đồng, giảm 82% do Công ty kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu, nên Công ty cắt sang hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn nhằm đem lại doanh thu tài chính cho Công Ty.
  - + Tiền gửi có kỳ hạn 30 tỷ tăng 100%
- Các khoản phải thu ngắn hạn 59,2 tỷ đồng, giảm 20,5 tỷ đồng, giảm 25,7%, trong đó:
  - + Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 20,7 tỷ đồng, giảm 25,3% so với đầu kỳ, số tiền những khách hàng còn nợ Công ty đến thời điểm 31/12/2022 là 61,2 tỷ đồng, trong đó:
    - Nợ luân chuyển 58,4 tỷ: Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (58,4 tỷ), Chip Mong Group Co,Ltd (2,1 triệu), nợ này do chưa đến hạn thu.
    - Nợ khó đòi 2,7 tỷ đồng Cty TNHH MTV TMDV VT Lợi My 2.
  - + Trả trước người bán ngắn hạn 204,9 triệu đồng giảm 107,9 triệu, giảm 34,5%.
  - + Phải thu ngắn hạn khác 572,4 triệu đồng tăng 230,5 triệu, tăng 67,4%.
  - + Đến 31/12/2022 Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 2,7 tỷ đồng.
- Giá gốc hàng tồn kho đến 31/12/2022 là 254,4 tỷ đồng giảm 168,9 tỷ đồng, giảm 39,9% so với đầu năm, chủ yếu:
  - Thép cán* : 7.549,5 tấn (trị giá 110,9 tỷ đồng, giảm 85,4 tỷ giảm 43,5%).
  - Phôi thép*: 1.566,6 tấn (trị giá 18,6 tỷ đồng giảm 53 tỷ, giảm 74%)
  - Gang thép phế liệu*: 4.582 tấn (trị giá 40,8 tỷ đồng, giảm 64,7 tỷ, giảm 61,3%)
  - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho* 584,3 triệu
- Tài sản ngắn hạn khác 6,8 tỷ đồng giảm 23,4 tỷ, giảm 77,6% trong đó:
  - + Chi phí trả trước ngắn hạn 4,7 tỷ đồng giảm 1,1 tỷ, giảm 18,9%.

+ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 1,1 tỷ đồng giảm 23,3 tỷ đồng giảm 95,4% do Công ty khấu trừ dần vào khoản thuế đầu ra.

+ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước 938 triệu tăng 100% đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa trong 6 tháng đầu năm lợi nhuận cao.

- Nguyên giá tài sản cố định tăng 1,5 tỷ đồng: Mua máy móc thiết bị 3,1 tỷ là động cơ K1-K3 Mua máy phân tích Quang phổ 1,1 tỷ, đồng thời thanh lý 2,8 tỷ đồng các thiết bị hết khấu hao, không còn dùng, hư hỏng nặng (động cơ, máy nén khí, xe tải, xe đào,...).

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 783,3 triệu đồng tăng 80 triệu, tăng 11,4%: Quy hoạch dự án Cty CP Thép Thủ Đức.

- Chi phí trả trước dài hạn 13,1 triệu đồng giảm 24,1 triệu giảm 64,7% do phân bổ dần giá trị vào chi phí.

\* Về nguồn vốn: Tổng nợ phải trả của Cty đến 31/12/2022 là 77,8 tỷ đồng giảm 192,2 tỷ, giảm 71,2% so với đầu kỳ, chủ yếu

- Phải trả người bán ngắn hạn 3,1 tỷ đồng giảm 45,4 tỷ, giảm 93,6%.

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 228,7 triệu giảm 1,5 tỷ giảm 86,9%.

- Phải trả người lao động 17,3 tỷ giảm 20,9 tỷ, giảm 54,8%.

- Chi phí phải trả ngắn hạn 3,9 tỷ giảm 5,8 tỷ, giảm 59,9% trong đó trích trước tiền điện 45,9 triệu, tiền nước và điện thoại 76,3 triệu, chi phí quản lý 75 triệu và quỹ trợ cấp mất việc làm 3,7 tỷ đồng.

- Phải trả ngắn hạn khác 878 triệu giảm 47,4 triệu giảm 5%.

- Vay nợ thuê tài chính 0 đồng giảm 100% Công ty điều tiết dừng sản xuất trong tháng 12/2022 cho đến khi thị trường tốt trở lại, do vậy Công ty không nhập vật tư, tận dụng nguồn chủ sở, không sử dụng vốn vay để giảm thiểu chi phí lãi vay.

- Dự phòng phải trả ngắn hạn 0 đồng giảm 100% so với đầu năm do Công ty hoàn nhập quỹ lương dự phòng năm trước.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi 1,3 tỷ đồng tăng 636,9 triệu, tăng 90,8%.

- Phải trả dài hạn khác 51 tỷ đồng là tiền hỗ trợ di dời của Cty REFICO 50 tỷ đồng và 1 tỷ là tiền ký quỹ mượn vỏ chai oxy của khách hàng trước đây.

### 3. Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021: Không có

### 4. Công tác đầu tư năm 2022

Kế hoạch đầu tư năm 2022 có 03 hạng mục, tổng mức đầu tư dự kiến phê duyệt 7 tỷ đồng là cải tạo động cơ K1-K3 cán thô; Máy cắt đầu K5; Máy phân tích quang phổ, chi tiết hạng mục:

#### 4.1 Cải tạo động cơ K1-K3 cán thô, kế hoạch phê duyệt đầu tư 3,5 tỷ đồng:

- Mục đích: Thay động cơ AC thành DC, tiết kiệm tiêu hao điện năng và ổn định công nghệ cán

- Bắt đầu thực hiện tháng 05/2022 và thực hiện xong tháng 10/2022

- Thực hiện giải ngân: 3,5 tỷ (VAT).

#### 4.2 Máy cắt đầu K5, kế hoạch phê duyệt đầu tư 2 tỷ đồng:



- Mục đích: Nhằm xử lý kịp thời và nhanh chóng khi xảy ra sự cố trong quá trình cán.
- Hiện chưa thực hiện dự án này do tình hình sản xuất không thuận lợi.

#### **4.3 Máy phân tích quang phổ, kế hoạch phê duyệt đầu tư 1,5 tỷ đồng:**

- Mục đích: Trang bị mới, dự phòng thay thế khi máy phân tích quang phổ HITACHI đang sử dụng bị hư hỏng.
- Bắt đầu thực hiện tháng 04/2022 đã lắp đặt và đưa vào sử dụng tháng 09/2022.
- Thực hiện giải ngân: 1,294 tỷ đồng (VAT).

#### **5. Công tác đầu tư di dời của Công ty**

Công ty vẫn đang tiếp tục tìm kiếm khảo sát nhiều nơi như tỉnh Long An, Vĩnh Long, mặt khác Công ty vẫn theo dõi thực hiện các công việc cần thiết gửi các Sở, Ban ngành của TP. HCM để có thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất tại khu đất hiện hữu.

#### **6. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022**

- Năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm, HĐQT duy trì đầy đủ các phiên họp định kỳ; những vấn đề cần thiết phải thảo luận, biểu quyết trong cuộc họp đều được ghi thành biên bản và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định tại Công ty; các vấn đề được HĐQT thông qua trong cuộc họp đều được ban hành bằng Nghị quyết;
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời để thông qua các vấn đề chính như: Thông qua kế hoạch SXKD; Công tác đầu tư; Công tác bổ nhiệm cán bộ..., cơ bản các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao;
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

#### **7. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2022**

Ban Điều hành đã triển khai tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. công tác tiết giảm tối đa các chi phí trong hoàn cảnh thị trường thép gặp nhiều khó khăn như năm vừa qua.

Để thích ứng với hoàn cảnh thị trường thép Ban Điều hành đã cơ cấu lại sản xuất và nhân sự lao động nhằm đảm bảo sản xuất và thu nhập ổn định cho CBCNV Cty.

#### **IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH:**

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó:  
Không có
2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:  
Không có

**V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.**

- Ban kiểm soát thường xuyên có những trao đổi với HĐQT và Ban điều hành qua các hình thức như: trao đổi trực tiếp, văn bản và thư điện tử.
- Ban kiểm soát cũng thường xuyên cử đại diện tham gia các cuộc họp của các bộ phận nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát. Trong các cuộc họp này, BKS đã đưa ra những ý kiến đóng góp trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình
- HĐQT, Ban điều hành cũng như các đơn vị phòng ban trong Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện để BKS có thể thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các báo cáo, hồ sơ chứng từ đều được cung cấp đầy đủ đến BKS khi có yêu cầu.

**VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT NĂM 2023**

Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo về tài chính, về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023.

Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư, di dời Công ty.

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

Báo cáo này đã được tất cả thành viên Ban kiểm soát thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
Trưởng Ban



**Đoàn Hồng Hà**



Số: 127/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 03 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ký ngày 15/02/2023, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra thẩm định và được Công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022.

Chi tiết Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel được gửi kèm theo tờ trình.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



M.S.D.N: 0305407328  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP THỦ ĐỨC  
VNSTEEL  
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Dương Minh Chính



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
(đã được kiểm toán)



**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

**Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 35

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 05 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 03 tháng 03 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch	
Ông Cao Anh Kiệt	Thành viên	
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/03/2022
Ông Ngô Sỹ Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/03/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Tiến	Tổng Giám đốc	
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/02/2022
Bà Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Ông Trần Minh Hạnh	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Tiến

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Số: 150223.001 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được lập ngày 15 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

- Theo Thuyết minh số 01 và số 35 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty xin gia hạn tiếp tục thuê đất tại vị trí hiện tại đến hết năm 2022 để có đủ thời gian lập và triển khai thực hiện việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.
- Cũng tại Thuyết minh số 01 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất trong tháng 12/2022, chi phí do ngừng sản xuất đã ghi nhận vào kết quả hoạt động năm 2022 là 1,2 tỷ VND.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Trần Trung Hiếu**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

**Đào Trung Thành**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2019-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		353.075.507.490 ✓	547.510.996.566 ✓
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	32.612.653.924 ✓	14.102.510.075 ✓
111	1. Tiền		2.612.653.924	14.102.510.075
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		59.250.860.472 ✓	79.797.719.108 ✓
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	61.223.793.940	81.994.170.488
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	204.990.000	312.962.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	572.405.118	341.900.120
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.750.328.586)	(2.851.314.300)
140	IV. Hàng tồn kho	08	254.411.957.836 ✓	423.314.080.902 ✓
141	1. Hàng tồn kho		255.010.271.981	423.314.080.902
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(598.314.145)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.800.035.258 ✓	30.296.686.481 ✓
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.743.155.605	5.846.665.244
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.118.784.023	24.450.021.237
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	938.095.630	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		15.921.625.156 ✓	19.995.459.881 ✓
220	II. Tài sản cố định		15.125.083.470 ✓	19.254.751.807 ✓
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.932.027.916	18.961.696.257
222	- Nguyên giá		311.645.938.569	310.082.425.212
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(296.713.910.653)	(291.120.728.955)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	193.055.554	293.055.550
228	- Nguyên giá		300.000.000	300.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(106.944.446)	(6.944.450)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		783.360.018 ✓	703.360.018 ✓
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	783.360.018	703.360.018
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.181.668	37.348.056
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.181.668	37.348.056
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<u>368.997.132.646</u> ✓	<u>567.506.456.447</u> ✓



## BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		77.869.272.145 ✓	270.070.420.920 ✓
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		26.821.272.145 ✓	219.022.420.920 ✓
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.119.917.326	48.615.409.103
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.580.883	14.080.383
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	228.760.680	1.749.178.782
314	4. Phải trả người lao động		17.305.244.304	38.281.157.604
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.937.435.920	9.809.695.332
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	878.038.446	925.478.233
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	-	108.376.063.050
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	-	10.550.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.338.294.586	701.358.433
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		51.048.000.000	51.048.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	51.048.000.000	51.048.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		291.127.860.501	297.436.035.527
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	291.127.860.501	297.436.035.527
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	<i>Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		122.253.930.000	122.253.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.752.106.672	19.752.106.672
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		124.413.489.548	137.721.664.574
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		125.383.764.574	92.945.143.489
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		(970.275.026)	44.776.521.085
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		368.997.132.646 ✓	567.506.456.447

Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập

Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.853.865.926.040 ✓	2.336.352.477.943 ✓
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	10.456.382.721	12.394.855.493
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.843.409.543.319 ✓	2.323.957.622.450 ✓
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.817.158.039.963	2.220.922.864.482
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.251.503.356 ✓	103.034.757.968 ✓
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	964.052.509	1.961.133.245
22	7. Chi phí tài chính	25	7.056.022.258	1.683.524.986
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.851.585.146	1.169.031.951
25	8. Chi phí bán hàng	26	10.673.048.948	11.504.627.774
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	14.278.160.257	36.182.272.253
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.791.675.598) ✓	55.625.466.200 ✓
31	11. Thu nhập khác	28	6.118.929.903	967.058.422
32	12. Chi phí khác	29	1.212.223.660	441.024.462
40	13. Lợi nhuận khác		4.906.706.243 ✓	526.033.960 ✓
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.030.645	56.151.500.160
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.085.305.671	11.374.979.075
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(970.275.026)	44.776.521.085
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	(79)	3.226 ✓



Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập



Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		115.030.645	56.151.500.160
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.509.048.675	11.377.456.474
03	- Các khoản dự phòng		(10.052.671.569)	(1.450.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.241.426)	279.010.794
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(250.326.249)	(1.579.183.153)
06	- Chi phí lãi vay		5.851.585.146	1.169.031.951
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.169.425.222	65.947.816.226
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		44.015.270.697	40.062.512.827
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		168.303.808.921	(314.179.946.412)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(72.446.220.312)	37.776.036.101
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.127.676.027	1.121.045.356
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.906.148.330)	(1.114.468.767)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.248.154.683)	(11.030.768.905)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.700.963.847)	(2.483.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		131.314.693.695	(183.901.673.574)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.459.380.338)	(1.655.895.191)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		15.454.545	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		198.707.321	1.704.388.633
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.245.218.472)	48.493.442
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		761.459.927.180	329.577.422.421
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(869.835.990.230)	(221.329.999.413)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(186.485.000)	(12.052.520.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(108.562.548.050)	96.194.902.558
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		18.506.927.173	(87.658.277.574)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.102.510.075	101.785.773.212
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.216.676	(24.985.563)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>32.612.653.924</u>	<u>14.102.510.075</u>

Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập

Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 05 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 03 tháng 03 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.930.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 122.253.930.000 VND; trong đó 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 314 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 386 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sắt, thép, gang.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh, khai thác cảng;
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty xin gia hạn tiếp tục thuê đất tại vị trí hiện tại đến hết năm 2022 để có đủ thời gian lập và triển khai việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh thương mại để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng ít nhất một năm kể từ ngày phát hành Báo cáo tài chính này. Công ty dự kiến sẽ đạt được mức lợi nhuận mong muốn và đảm bảo dòng tiền để thanh toán cho các khoản nợ đến hạn trả.
- Đồng thời, ngày 09/01/2023, Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần ban hành Công văn số 18/VNS-KTĐT về cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn sẽ hoạt động tốt trong thời gian tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Chiến sự giữa Nga và Ukraine gây bất ổn nghiêm trọng đến kinh tế thế giới, giá nhiên liệu tăng cao, vận chuyển khó khăn, chuỗi cung ứng bị đứt gãy... đã góp phần làm cho nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất thép như quặng, sắt thép vụn, phôi thép... tăng mạnh. Mặt khác, đầu tư công thấp do ảnh hưởng của dịch bệnh và các chính sách về bất động sản bị siết chặt đã dẫn đến nhu cầu thép trên thị trường rất thấp, làm hàng tồn kho Công ty bị ứ đọng với giá trị cao so với thực tế. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh ngày một gay gắt giữa các thương hiệu thép trong nước đã làm cho tình hình kinh doanh của Công ty ngày càng khó khăn. Các điều trên ảnh hưởng kết quả kinh doanh của Công ty trong năm, làm lợi nhuận năm nay giảm mạnh so với năm trước.

Đồng thời, do hoạt động kinh doanh sản xuất gặp khó khăn, Công ty đã điều tiết, tạm dừng sản xuất trong tháng trong tháng 12/2022 để giảm hàng tồn kho cho đến khi thị trường tốt lên. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động, đóng bảo hiểm đầy đủ, hoạt động bán hàng vẫn được thực hiện, chi phí do ngừng sản xuất đã ghi nhận vào kết quả hoạt động năm 2022 là 1,2 tỷ VND.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.



Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

## 2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng trong 12 tháng.

## 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí vận chuyển, chi phí trợ cấp thôi việc, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

### 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

#### 2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành  
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

#### 2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**2.25 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sắt thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	140.876.838	399.504.953
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.471.777.086	13.703.005.122
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
	<b>32.612.653.924</b>	<b>14.102.510.075</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 31 ngày đến 39 ngày có giá trị 30.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 6%/năm.

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	58.471.358.454	-	61.167.276.099	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 (*)	2.750.328.586	(2.750.328.586)	2.851.314.300	(2.851.314.300)
Chip Mong Group Co., Ltd	2.106.900	-	14.939.670.069	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phát triển Kim Ngân	-	-	3.035.910.020	-
	<b>61.223.793.940</b>	<b>(2.750.328.586)</b>	<b>81.994.170.488</b>	<b>(2.851.314.300)</b>
<b>b) Trong đó: Phải</b>	<b>58.471.358.454</b>	<b>-</b>	<b>61.167.276.099</b>	<b>-</b>

thu khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)

(\*) Đây là khoản phải thu khó đòi từ Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 ("Công ty Lợi My 2") từ năm 2013 căn cứ theo Hợp đồng mua bán thép số 53/VKC-KHKD và các hóa đơn chứng từ có liên quan. Trong quá trình thu hồi công nợ, Công ty không nhận được bất kỳ phản hồi nào về việc sẽ được thanh toán khoản phải thu tồn đọng này và Công ty Lợi My 2 có dấu hiệu bỏ trốn.

Ngày 06/06/2018, Công ty đã gửi đơn kiện Công ty Lợi My 2 tới Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Ngày 05/11/2019, Công ty đã nhận được Bản án số 26/2019/KDTM-ST từ Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ quyết định Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nợ cho Công ty.

Chi cục thi hành án dân sự Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ ra Quyết định thi hành án số 1164/QĐ-CCTHADS ngày 04/03/2020 buộc Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nêu trên cho Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Lợi My 2 mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND trong năm 2013 và 100.985.714 VND trong năm 2022.

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thiết bị Dịch vụ Kỹ thuật Bách Khoa	86.490.000	-	59.292.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn cầu Minh Anh	-	-	95.170.800	-
Trả trước cho người bán khác	118.500.000	-	158.500.000	-
	<u>204.990.000</u>	<u>-</u>	<u>312.962.800</u>	<u>-</u>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	36.164.383	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	1.579.888	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	91.507	-
Tạm ứng	19.951.182	-	77.241.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	506.289.553	-	252.987.725	-
	<u>572.405.118</u>	<u>-</u>	<u>341.900.120</u>	<u>-</u>
<b>b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<u>158.337.356</u>	<u>-</u>	<u>48.128.703</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>				

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH MTC Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2	2.750.328.586	-	2.851.314.300	-
	<u>2.750.328.586</u>	<u>-</u>	<u>2.851.314.300</u>	<u>-</u>



**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	125.329.609.037 ✓	-	153.712.924.585	-
Công cụ, dụng cụ	126.118.076 ✓	-	132.062.384	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	18.627.387.617 ✓	-	71.740.531.624	-
Thành phẩm	110.927.157.251 ✓	(598.314.145)	196.414.466.057	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.314.096.252	-
	<u>255.010.271.981</u> ✓	<u>(598.314.145)</u> ✓	<u>423.314.080.902</u> ✓	<u>-</u>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự án di dời và xây dựng Nhà máy Thép Thủ Đức (*)	783.360.018	703.360.018
	<u>783.360.018</u>	<u>703.360.018</u>

(\*) Đây là các chi phí tư vấn, thiết kế, viết báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định dự án để di dời nhà máy Thép Thủ Đức ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 35)

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	42.138.028.976	232.366.759.937	31.085.186.300	4.492.449.999	310.082.425.212					
- Mua trong năm	-	3.181.380.338	-	1.198.000.000	4.379.380.338					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.435.518.310)	(1.223.830.317)	(156.518.354)	(2.815.866.981)					
Số dư cuối năm	42.138.028.976	234.112.621.965	29.861.355.983	5.533.931.645	311.645.938.569					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	41.039.929.151	218.892.408.582	27.705.968.211	3.482.423.011	291.120.728.955					
- Khấu hao trong năm	284.480.888	6.210.010.027	1.421.284.068	493.273.696	8.409.048.679					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.435.518.310)	(1.223.830.317)	(156.518.354)	(2.815.866.981)					
Số dư cuối năm	41.324.410.039	223.666.900.299	27.903.421.962	3.819.178.353	296.713.910.653					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	1.098.099.825	13.474.351.355	3.379.218.089	1.010.026.988	18.961.696.257					
Tại ngày cuối năm	813.618.937	10.445.721.666	1.957.934.021	1.714.753.292	14.932.027.916					

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 260.183.674.110 VND. ✓

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm quản lý với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 300.000.000 VND và 106.944.446 VND. Chi phí khấu hao đã ghi nhận trong kỳ là 99.999.996 VND.



**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.743.155.605	5.846.665.244
	<u>4.743.155.605</u>	<u>5.846.665.244</u>
b) <b>Dài hạn</b>		
Chi phí thay thế và sửa chữa thiết bị	13.181.668	37.348.056
	<u>13.181.668</u>	<u>37.348.056</u>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) <b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Đầu tư Hưng Lộc Phát	2.566.854.400	2.566.854.400	10.397.073.500	10.397.073.500
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	423.979.202	423.979.202	321.254.030	321.254.030
Công ty TNHH Thư Hân VN	-	-	14.841.222.000	14.841.222.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phát triển Kim Ngân	-	-	5.523.505.350	5.523.505.350
Phải trả các đối tượng khác	129.083.724	129.083.724	17.532.354.223	17.532.354.223
	<u>3.119.917.326</u>	<u>3.119.917.326</u>	<u>48.615.409.103</u>	<u>48.615.409.103</u>
b) <b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<u>423.979.202</u>	<u>423.979.202</u>	<u>557.466.811</u>	<u>557.466.811</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	1.837.729.009	1.837.729.009	-	-	1.837.729.009	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	621.340.894	621.340.894	-	-	621.340.894	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.224.753.382	-	1.085.305.671	1.085.305.671	-	-	3.248.154.683	938.095.630	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	524.249.000	-	1.023.794.350	1.023.794.350	-	-	1.319.438.350	-	-	-	228.605.000
Thuế Tài nguyên	-	176.400	-	2.512.160	2.512.160	-	-	2.532.880	-	-	-	155.680
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	6.612.872.600	6.612.872.600	-	-	6.612.872.600	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	3.000.000	-	-	-	-
	-	<b>1.749.178.782</b>	-	<b>11.186.554.684</b>	<b>11.186.554.684</b>	-	-	<b>13.645.068.416</b>	<b>938.095.630</b>	-	-	<b>228.760.680</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	-	54.563.184	-
Chi phí điện, nước, điện thoại	122.289.706	✓	1.535.554.648	-
Chi phí trợ cấp thôi việc	3.740.146.214	-	7.725.165.500	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp trích trước	75.000.000	-	494.412.000	-
	<b>3.937.435.920</b>	✓	<b>9.809.695.332</b>	-



**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	224.354.269	55.130.921
Bảo hiểm xã hội	34.168.300	14.206.081
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	269.801.980	456.286.980
Phải trả về thuế TNCN của CBCNV	76.107.750	58.014.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	273.606.147	341.839.651
	<b>878.038.446</b>	<b>925.478.233</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.048.000.000	1.048.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<b>51.048.000.000</b>	<b>51.048.000.000</b>

(\*) Theo thoả thuận hợp tác đầu tư phát triển dự án số 1064/TT-VKC ngày 29 tháng 9 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL và Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO), hai bên thoả thuận xây dựng khu phức hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, chung cư và nhà biệt thự với diện tích xây dựng dự kiến là 6.3 ha tại Km9, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn tất thủ tục liên quan đến việc Công ty di dời đến vị trí mới, hai bên sẽ thành lập một doanh nghiệp mới để triển khai thực hiện dự án, với tỷ lệ góp vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL: 26%
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO): 74%

Vốn điều lệ ban đầu của doanh nghiệp mới là 30 tỷ VND, sẽ được lần lượt tăng lên 670 tỷ VND theo từng giai đoạn. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL sẽ chuyển nhượng 26% vốn góp cho Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) trong vòng 3 ngày kể từ ngày REFICO nhận được quyết định giao đất từ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện triển khai dự án, REFICO sẽ thanh toán cho Công ty 110 tỷ VND để đền bù giá trị khu đất. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký thoả thuận, REFICO sẽ đặt cọc 50 tỷ VND để đảm bảo thực hiện thoả thuận. Ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng, nếu Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) không thực hiện thoả thuận sẽ phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận, đồng thời bồi thường một khoản tiền tương đương với số tiền đã nhận.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, REFICO gửi Công văn số 04/2019/CV-REFICO xác nhận hai bên sẽ tạm dừng hợp tác do quy định của Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị đã chấm dứt hiệu lực của thoả thuận. Đồng thời REFICO cũng xác nhận khi hoàn trả số tiền cọc Công ty không cần thanh toán tiền phạt cũng như lãi suất phát sinh. Khi công ty chưa hoàn trả tiền cọc, REFICO sẽ được ưu tiên để hợp tác với Công ty để hợp tác đầu tư và phát triển dự án bất động sản trên khu đất của Công ty hiện tại.

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**17 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh	11.067.524.600	11.067.524.600	253.860.398.392	264.927.922.992	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	79.357.354.450	79.357.354.450	277.446.394.012	356.803.748.462	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	17.951.184.000	17.951.184.000	183.795.101.139	201.746.285.139	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	-	-	46.358.033.637	46.358.033.637	-	-
	<b>108.376.063.050</b>	<b>108.376.063.050</b>	<b>761.459.927.180</b>	<b>869.835.990.230</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ tiền lương dự phòng	-	10.550.000.000
	<b>-</b>	<b>10.550.000.000</b>



19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	17.708.334.281	19.752.106.672	107.114.536.489	266.828.907.442			
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	44.776.521.085	44.776.521.085			
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.944.000.000)	(1.944.000.000)			
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	(12.225.393.000)	(12.225.393.000)			
Số dư cuối năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	17.708.334.281	19.752.106.672	137.721.664.574	297.436.035.527			
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	17.708.334.281	19.752.106.672	137.721.664.574	297.436.035.527			
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(970.275.026)	(970.275.026)			
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	-	(5.337.900.000)	(5.337.900.000)			
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-			
Số dư cuối năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	17.708.334.281	26.752.106.672	124.413.489.548	291.127.860.501			

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 265/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ	
	%	Số tiền VND
Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2021	100,00	137.721.664.574
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành	3,88	5.337.900.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,08	7.000.000.000
Lợi nhuận để lại chưa phân phối	91,04	125.383.764.574

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
Công ty Cổ phần Gemadept	10,90	13.321.950.000	10,90	13.321.950.000
Ông Lê Bá Phương	7,02	8.576.740.000	7,02	8.576.740.000
Các cổ đông khác	17,09	20.890.140.000	17,09	20.890.140.000
	<b>100</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>100</b>	<b>122.253.930.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp cuối năm	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	456.286.980	283.414.430
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	12.225.393.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	12.225.393.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(186.485.000)	(12.052.520.450)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(186.485.000)	(12.052.520.450)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>269.801.980</b>	<b>456.286.980</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.752.106.672	19.752.106.672
	<b>26.752.106.672</b>	<b>19.752.106.672</b>

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Đường Nguyễn Văn Bá, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất thép, nhà kho và phòng làm việc; diện tích khu đất thuê là 67.045 m<sup>2</sup>. Theo thông báo đóng tiền thuê đất, thời hạn thuê đất là ngắn hạn hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch và Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. (Thông tin chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 35).

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	11.294,23	378.675,07



**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.823.206.084.656	2.333.583.039.103
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.659.841.384	2.769.438.840
	<u>1.853.865.926.040</u>	<u>2.336.352.477.943</u>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	<u>1.753.094.283.255</u>	<u>2.198.123.552.790</u>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	10.456.382.721	12.394.855.493
	<u>10.456.382.721</u>	<u>12.394.855.493</u>
<b>Trong đó: Các khoản giảm trừ với bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	<u>10.172.783.547</u>	<u>11.212.991.035</u>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.788.367.901.646	2.218.161.728.191
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.191.824.172	2.761.136.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	598.314.145	-
	<u>1.817.158.039.963</u>	<u>2.220.922.864.482</u>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	<u>4.420.849.386</u>	<u>22.333.888.223</u>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	234.871.704	1.579.183.153
Lãi bán hàng trả chậm	227.935.747	112.036.913
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	498.003.632	269.913.179
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.241.426	-
	<u>964.052.509</u>	<u>1.961.133.245</u>
<b>Trong đó: Doanh thu từ các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 37)</i>	<u>227.935.701</u>	<u>119.132.443</u>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.851.585.146	1.169.031.951
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	186.485.941	68.142.182
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.017.951.171	167.340.059
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	279.010.794
	<b>7.056.022.258</b>	<b>1.683.524.986</b>
<b>Trong đó: Chi phí từ các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Quyết định số 37)</i>	<b>169.312.599</b>	<b>68.142.182</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.591.076.869	6.389.179.847
Chi phí khác bằng tiền	6.081.972.079	5.115.447.927
	<b>10.673.048.948</b>	<b>11.504.627.774</b>
<b>Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Quyết định số 37)</i>	<b>5.767.660.158</b>	<b>5.345.675.670</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.396.512.047	1.907.920.012
Chi phí nhân công	7.232.859.047	10.032.001.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.750.040	387.214.929
Hoàn nhập dự phòng	(10.650.985.714)	(1.450.000.000)
Thuế, phí, và lệ phí	8.935.436.082	6.594.346.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.980.816.344	2.096.816.185
Chi phí khác bằng tiền	4.847.772.411	16.613.973.429
	<b>14.278.160.257</b>	<b>36.182.272.253</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	15.454.545	-
Tiền thuê đất được giảm <sup>(*)</sup>	2.287.712.014	967.025.910
Phế liệu thu hồi	3.806.501.256	-
Thu nhập khác	9.262.088	32.512
	<b>6.118.929.903</b>	<b>967.058.422</b>

(\*) Giảm tiền thuê đất năm 2020, 2021 do ngừng sản xuất vì dịch Covid-19 theo các Quyết định số 167/QĐ-CTTPHCM ngày 20/01/2021, số 4392/QĐ-CTTPHCM ngày 01/08/2022, số 1875/QĐ-CTTPHCM ngày 15/04/2022 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.



**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất	1.212.140.506	-
Chi phí dự án không thực hiện	-	32.000.000
Các khoản bị phạt, chậm nộp	83.154	409.024.462
	<u>1.212.223.660</u>	<u>441.024.462</u>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	115.030.645	56.151.500.160
Các khoản điều chỉnh tăng	5.314.739.135	723.395.214
- Chi phí không hợp lệ	1.212.223.660	441.024.462
- Chi phí trợ cấp mất việc	930.000.000	-
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	150.370.752
- Chi phí lãi vay theo Nghị định số 132/2022/NĐ-CP	3.040.515.475	-
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	132.000.000	132.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.241.426)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(3.241.426)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.426.528.354	56.874.895.374
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<u><b>1.085.305.671</b></u>	<u><b>11.374.979.075</b></u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.224.753.382	880.543.212
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.248.154.683)	(11.030.768.905)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<u><b>(938.095.630)</b></u>	<u><b>1.224.753.382</b></u>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(970.275.026)	44.776.521.085
Các khoản điều chỉnh	-	(5.337.900.000)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(5.337.900.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(970.275.026)	39.438.621.085
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u><b>(79)</b></u>	<u><b>3.226</b></u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 265/NQ-DHĐCĐ ngày 29/03/2022, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, do đó, Công ty trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

	Năm 2021	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế	44.776.521.085	44.776.521.085
Các khoản điều chỉnh	(5.373.182.530)	(5.337.900.000)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(5.373.182.530)	(5.337.900.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	39.403.338.555	39.438.621.085
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.223</b>	<b>3.226</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.470.304.032.196	2.148.540.462.979
Chi phí nhân công	64.563.119.537	102.026.500.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.977.086.247	11.377.456.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.722.110.611	220.700.827.983
Chi phí khác bằng tiền	24.681.023.081	21.085.031.159
Hoàn nhập dự phòng	(10.650.985.714)	(1.450.000.000)
	<b>1.701.596.385.958</b>	<b>2.502.280.278.595</b>

### 33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.612.653.924	-	14.102.510.075	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	61.796.199.058	(2.750.328.586)	82.336.070.608	(2.851.314.300)
	<b>94.408.852.982</b>	<b>(2.750.328.586)</b>	<b>96.438.580.683</b>	<b>(2.851.314.300)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			-	108.376.063.050
Phải trả người bán, phải trả khác			55.045.955.772	100.588.887.336
Chi phí phải trả			3.937.435.920	9.809.695.332
			<b>58.983.391.692</b>	<b>218.774.645.718</b>



Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### **Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### **Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.612.653.924	-	-	32.612.653.924
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.045.870.472	-	-	59.045.870.472
	<b>91.658.524.396</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>91.658.524.396</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.102.510.075	-	-	14.102.510.075
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.484.756.308	-	-	79.484.756.308
	<b>93.587.266.383</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>93.587.266.383</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.997.955.772	51.048.000.000	-	55.045.955.772
Chi phí phải trả	3.937.435.920	-	-	3.937.435.920
	<u>7.935.391.692</u>	<u>51.048.000.000</u>	<u>-</u>	<u>58.983.391.692</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	108.376.063.050	-	-	108.376.063.050
Phải trả người bán, phải trả khác	49.540.887.336	51.048.000.000	-	100.588.887.336
Chi phí phải trả	9.809.695.332	-	-	9.809.695.332
	<u>167.726.645.718</u>	<u>51.048.000.000</u>	<u>-</u>	<u>218.774.645.718</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	761.459.927.180	329.577.422.421
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	869.835.990.230	221.329.999.413

#### 35 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 13 tháng 09 năm 2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 4898/QĐ-UBND phê duyệt danh mục các cơ sở phải di dời do không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - đợt 2, trong đó nêu rõ cơ sở sản xuất của công ty tại Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải hoàn thành di dời vào quý IV/2019.

Để chuẩn bị cho công tác di dời, Công ty đã lên kế hoạch di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè. Tổng chi phí di dời dự tính khoảng 960 tỷ VND và đã được Đại hội cổ đông Công ty phê duyệt chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Văn bản số 288/UBND-KT chấp thuận cho Công ty được di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè.

Tuy nhiên, khi có ý kiến của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc dừng di dời dây chuyền luyện cán thép của Công ty và đánh giá về hiệu quả của việc di dời về Khu Công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè, Tổng Công ty Thép Việt Nam – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") đã ban hành Quyết định số 580/VNS-HĐQT ngày 24/06/2019 về việc yêu cầu Công ty dừng việc thực hiện di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.



Để đảm bảo có thời gian xây dựng lại kế hoạch di dời theo chỉ đạo của Tổng Công ty, các bên đã:

- Công ty đã gửi Công văn số 551/VKC-KT ngày 15/07/2019 cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị tạo điều kiện cho Công ty gia hạn tiếp tục thuê đất tại vị trí hiện tại trong thời gian 02 đến 03 năm tiếp theo để có đủ thời gian lập và triển khai dự án.
- Công ty đã gửi Công văn số 591/VKC-KT ngày 31/07/2019 cho Tổng Công ty và Ban đầu tư của Tổng Công ty đề nghị Tổng Công ty có văn bản gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc dừng không thực hiện di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2 và cho Công ty có thời gian để triển khai kế hoạch di dời cũng như đảm bảo việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty đã gửi Báo cáo số 748/BC-VNS ngày 12/09/2019 cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và đề xuất SCIC có kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho phép Công ty được gia hạn ký hợp đồng thuê đất đến hết năm 2022 để có thời gian triển khai kế hoạch di dời nhà máy về địa điểm mới và đảm bảo công ăn việc làm cho gần 400 lao động.
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) có Công văn số 1869/ĐTKD – ĐT4 ngày 12/09/2019 về việc đề nghị gia hạn hợp đồng thuê đất cho Công ty gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty gửi Công văn số 773/VKC-KT ngày 11/11/2019 cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban nhân dân, Sở Tài Nguyên và Môi trường sớm phê duyệt cho Công ty tiếp tục ký hợp đồng thuê đất gia hạn đến hết năm 2022. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân và Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Công ty gửi Công văn số 594/CV-VKC ngày 24/08/2022 cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cam kết sẽ di dời khi nhận được Công văn xác định cụ thể thời điểm di dời của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 18/VNS-KTĐT ngày 09/01/2023 của Tổng Công ty Thép – CTCP về việc cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức tiếp tục hoạt động trong vòng ít nhất 01 năm từ ngày Báo cáo tài chính năm 2022 (đã được kiểm toán) phát hành, Tổng Công ty vẫn đang theo sát và sẽ có những chỉ đạo cần thiết cho hoạt động SXKD của Công ty trong các năm tới.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh có Công văn số 095/CN1-KHDNL ngày 19/01/2022 về việc xem xét tài trợ tín dụng cho Công ty thực hiện dự án đầu tư với số tiền tài trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án (dự kiến số tài trợ là 511 tỷ VND).

Hiện tại, Công ty đang nghiên cứu xem xét địa điểm để di dời nhà máy và đã thuê ngoài dịch vụ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

### 36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.753.094.283.255</b>	<b>2.198.123.552.790</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.598.579.957.371	1.906.903.950.170
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	99.305.292.000	191.541.545.000
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	16.034.384	1.690.620
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	349.200.000	134.800.000
Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	54.843.799.500	99.541.567.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>10.172.783.547</b>	<b>11.212.991.035</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	10.172.783.547	11.212.991.035
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>4.420.849.386</b>	<b>22.333.888.223</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	711.559.260	1.082.938.630
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	-	9.774.354.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	921.188.280	629.007.479
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	-	164.550.000
Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	-	8.559.976.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	1.943.512.000	1.261.550.000
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	101.312.726	129.766.084
Công ty TNHH Nippovina	743.277.120	731.746.030
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>227.935.701</b>	<b>119.132.443</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	227.935.701	119.132.443
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>169.312.599</b>	<b>68.142.182</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	169.312.599	68.142.182
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>5.767.660.158</b>	<b>5.345.675.670</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	5.743.708.842	5.312.403.346
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	23.951.316	33.272.324
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:</b>		
	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>58.471.358.454</b>	<b>61.167.276.099</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	58.471.358.454	61.167.276.099
<b>Phải thu khác</b>	<b>158.337.356</b>	<b>48.128.703</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	158.337.356	48.128.703
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>423.979.202</b>	<b>557.466.811</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	423.979.202	321.254.030
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	-	236.212.781



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>		<b>4.222.874.000</b>	<b>4.339.061.000</b>
Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	748.100.000	683.100.000
Ông Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT	63.000.000	63.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/03/22)	36.000.000	-
Ông Ngô Sỹ Hiếu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/03/22)	27.000.000	63.000.000
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	750.200.000	722.100.000
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	595.600.000	543.475.000
Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	603.600.000	559.475.000
Ông Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 18/02/22)	160.800.000	536.150.000
Bà Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	539.400.000	493.150.000
Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban kiểm soát	336.315.000	324.358.000
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên BKS	321.859.000	310.253.000
Ông Trần Minh Hạnh	Thành viên BKS	41.000.000	41.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

### 38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Thị Quế Nga  
Người lập



Đỗ Thị Long Châu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Tiến  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2023



Số: 128/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
Về kế hoạch SXKD năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế xã hội của đất nước và nhu cầu thép xây dựng của thị trường;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Tiêu thụ thép xây dựng : 110.000 tấn.

- Lợi nhuận trước thuế : 15,0 tỷ đồng.

Năm 2023 dự báo nhu cầu thép toàn cầu suy giảm mạnh, kinh tế vĩ mô trong nước gặp nhiều khó khăn. Tình hình SXKD của ngành thép nói chung và của Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel căn cứ diễn biến thực tế của thị trường để cân đối điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh - lợi nhuận phù hợp với tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính



Số *19* /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày *21* tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
Về kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ vào Kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2023 như sau:

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
<b>I. DỰ ÁN MỚI</b>				
1	Máy cắt đầu K5	3.000	Vốn DN	Trang bị mới
2	Cài tạo hệ thống nước PXC	1.500	Vốn DN	
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>4.500</b>	Bốn tỷ năm trăm triệu đồng chẵn	

Về vốn đầu tư: thu xếp nguồn vốn theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 chấp thuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 121 /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

## TỜ TRÌNH

Về phân phối lợi nhuận tại 31/12/2022  
và dự kiến phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 là 124.413.489.548 đồng, trong đó:

- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước: 125.383.764.574 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: - 970.275.026 đồng

Trên cơ sở nhu cầu về vốn, chuẩn bị công tác di dời, Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ thường niên xem xét cho Công ty tiếp tục giữ lại lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022, nhằm phục vụ công tác đầu tư trong thời gian tìm kiếm vị trí mới, với số tiền: 124.413.489.548 đồng.

Căn cứ kế hoạch tài chính năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên xem xét phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

1. Kế hoạch lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế	15.000.000.000 (đồng)
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	12.000.000.000 (đồng)
Tổng vốn điều lệ	122.253.930.000 (đồng)

2. Kết quả chia lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN được chia 12.000.000.000 đồng như sau:

Stt	Nội dung phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %/LNPP	Tỷ lệ %/VĐL
01	Chia lãi cổ phần bằng tiền mặt	9.780.314.400	81,5%	8,0%
02	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000	16,67%	
03	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	200.000.000	1,67%	
04	Lợi nhuận để lại đầu tư di dời	19.685.600	0,16%	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>100%</b>	





Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên chấp thuận.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính



Số: 132/TTTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

Về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2022

Kính gửi: Quý cổ đông;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel trong Năm 2022. Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel quyết toán thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2022 như sau:

**1. Mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua:**

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

**2. Mức thù lao thực hiện năm 2022:**

Năm 2022 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel có 02 thành viên Hội đồng Quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty không trả lương hàng tháng; 01 TBKS và 01 UV.BKS kiêm nhiệm hưởng thù lao. Mức thù lao Công ty chi trả như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đồng)	Thù lao/năm (đồng)
01	Lê Bá Phương	UV.HĐQT	4.000.000	48.000.000
02	Ngô Sỹ Hiếu	UV.HĐQT Miễn nhiệm 29/3/2022	4.000.000	12.000.000
03	Nguyễn Thị Mai Khanh	UV.HĐQT Bổ nhiệm 29/3/2022	4.000.000	36.000.000
04	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000
05	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
06	Trần Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>216.000.000</b>

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính



Số: 33/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2022

## TỜ TRÌNH

Về kế hoạch lương và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2023 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý của năm.

Đối với các nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mà làm việc trực tiếp tại Công ty, được Công ty trả lương chức danh hàng tháng thì không hưởng thù lao chức trách kiêm nhiệm.

Đối với kế hoạch tiền lương năm 2023: Đề nghị giao cho HĐQT Công ty thực hiện quyền biểu quyết và điều chỉnh sau khi có văn bản chỉ đạo của Tổng công ty về giao kế hoạch tiền lương năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

  
Đương Minh Chính

Số: 128/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
Về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Quý cổ đông;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/3/2022, giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán. Năm 2022 Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán độc lập.

Trong năm qua Kiểm toán viên đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định về đạo đức nghề nghiệp. Công tác kiểm toán năm 2022 đã được tiến hành đầy đủ theo qui định của pháp luật, được phản ánh cụ thể trong thư quản lý của Công ty kiểm toán, đi kèm báo cáo kiểm toán.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét chấp thuận để HĐQT Công ty lựa chọn một trong số năm (05) Công ty kiểm toán (bao gồm Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, PricewaterhouseCoopers (PWC), Deloitte, Ernst and Young (E&Y) và KPMG) để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính



Số: 143/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
Về giao dịch nội bộ trên 10% Tổng tài sản

**Kính gửi: Quý cổ đông;**

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua nội dung như sau:

Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel ký kết hợp đồng mua bán thép trả chậm có tổng giá trị lớn hơn 10% Tổng tài sản với các tổ chức là người có liên quan của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP (sở hữu 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty), cụ thể như sau:

Stt	Tên khách hàng	Số lượng (tấn)/tháng	Hạn mức tín chấp (tỷ đồng)
01	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	10.000 ÷ 20.000	210
02	Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	1.000 ÷ 3.000	45
03	Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.000 ÷ 5.000	75

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**  
  
**Dương Minh Chính**

Số: 144/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v: bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thép Thủ Đức - VNSTEEL;

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel đã kết thúc. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL nhiệm kỳ mới 2023 -2028 như sau:

1. Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028:

- Số Lượng thành viên HĐQT : 05 người
- Nhiệm kỳ : 2023 -2028
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng viên tham gia HĐQT (theo Khoản 1, điều 155, Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

2. Thông qua danh sách 05 ứng cử viên thành viên HĐQT

- Ông Dương Minh Chính (có sơ yếu lý lịch kèm theo)
- Ông Nguyễn Xuân Tiến (có sơ yếu lý lịch kèm theo)
- Ông Cao Anh Kiệt (có sơ yếu lý lịch kèm theo)
- Bà Nguyễn Thị Mai Khanh (có sơ yếu lý lịch kèm theo)
- Ông Lê Bá Phương (có sơ yếu lý lịch kèm theo)

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 được áp dụng theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP THỦ ĐỨC  
- VNSTEEL  
Dương Minh Chính



Số: 145/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v: bầu cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thép Thủ Đức - VNSTEEL;

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel đã kết thúc. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL nhiệm kỳ mới 2023 -2028 như sau:

1. Bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028:

- Số Lượng thành viên BKS : 03 người
- Nhiệm kỳ : 2023 -2028
- Số lượng ứng viên BKS tối đa : không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng viên tham gia BKS (theo điều 169, Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

2. Thông qua danh sách 03 ứng cử viên thành viên BKS

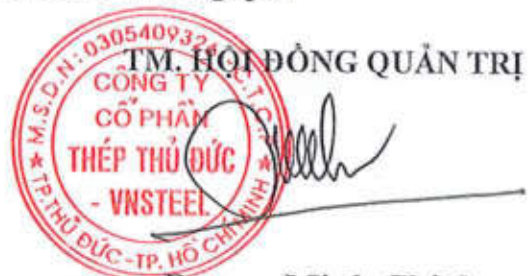
- Ông Đoàn Hồng Hà (có sơ yếu lý lịch kèm theo)
- Ông Nguyễn Quốc Cường (có sơ yếu lý lịch kèm theo)
- Ông Trần Minh Hạnh (có sơ yếu lý lịch kèm theo)

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 được áp dụng theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr)



Dương Minh Chính



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## LỊCH TRÍCH NGANG

Họ và tên: **Dương Minh Chính**

Sinh ngày: 01/6/1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL

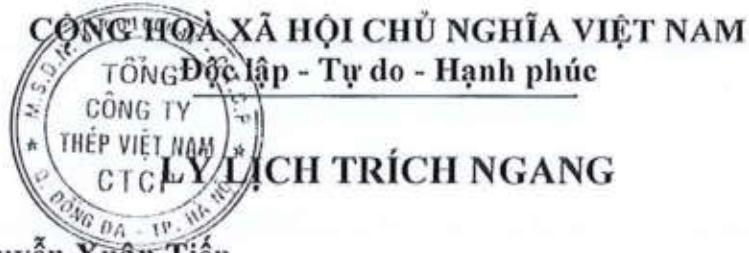
### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 10/1992 - 8/1996: Đại học Kinh tế, Cử nhân Tài chính - Tín dụng;
- 10/1998 - 8/2003: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Cử nhân Ngữ văn Anh;
- 2017 - 2019: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Cao cấp lý luận chính trị.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 10/1996 - 5/2002: Chuyên viên Kế toán - Công ty Thép Miền Nam;
- 6/2002 - 02/2003: Phó phòng Kế toán - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 3/2003 - 4/2003: Quyền Trưởng phòng Kế toán - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 5/2003 - 12/2007: Trưởng phòng Kế toán - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 01/2008 - 5/2015: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL;
- 6/2015 - 4/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL;
- 4/2016 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL.





Họ và tên: Nguyễn Xuân Tiên

Sinh ngày: 15/4/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL

### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1981 - 1986: - Đại học Bách Khoa Hà Nội, Kỹ sư luyện kim;
- 2008 - 2010: Học viện Chính trị - Hành chính KV II, Cao cấp Lý luận Chính trị.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1987 - 1994: KTV/Trưởng ca sản xuất Xưởng Luyện thép - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 1994 - 1997: Phó Quản đốc Xưởng Luyện thép - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 1997 - 2001: Quản đốc Phân xưởng Luyện thép - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 2001 - 2006: Trưởng phòng Kỹ thuật - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 2006 - 2007: Quản đốc Phân xưởng Luyện thép - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 2007 - 2012: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức;
- 2012 - 2014: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lưới thép Bình Tây;
- 2014 - 2018: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Vicasa-VNSTEEL;
- 2019 - nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL. ✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**LÝ THỊCH TRÍCH NGANG**

Họ và tên: Cao Anh Kiệt

Sinh ngày: 29/3/1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL

### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 9/1981 - 9/1986: Đại học Bách khoa TP.Hồ Chí Minh, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy;
- 6/2012 - 5/2014: Học viện Hành chính KV II, Cao cấp lý luận chính trị.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 11/1986 - 3/1989: Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ điện - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 3/1989 - 4/1997: Kỹ thuật viên Phòng Kỹ thuật Cơ điện - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 4/1997 - 6/2001: Phó phòng Kỹ thuật Cơ điện - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 7/2001 - 12/2001: Quyền Quản đốc Phân xưởng Cơ điện - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 01/2002 - 12/2007: Quản đốc Phân xưởng Cơ điện - Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 01/2008 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY

THÉP VIỆT NAM

CTCP

LIỆCH TRÍCH NGANG



Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Khanh

Sinh ngày: 10/8/1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật Kinh tế

Chức vụ: Phó Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 2000 - 2004: Trường Đại học Luật Hà Nội, Cử nhân Luật Quốc tế;
- 2016 - 2018: Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Thạc sĩ Luật Kinh tế.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 01/4/2005 - 6/2014: Chuyên viên Phòng Đầu tư Phát triển Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
  - 7/2014 - 7/2017: Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
  - 8/2017 - 9/2020: Chuyên viên Ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
  - 10/2020 - 12/2020: Chuyên viên Ban Kiểm tra Pháp chế Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP;
  - 01/2021 - nay: Phó Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.
- \* Chức danh kiêm nhiệm hiện tại:
- 12/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tân Thành Mỹ;
  - 3/2022 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEL.

CỘNG-HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG**

Họ và tên: **Đoàn Hồng Hà**

Sinh ngày: 19/3/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL

### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1995 - 2000: Đại học Kinh tế TP.HCM, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán các doanh nghiệp.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1993 - 1999: Nhân viên thống kê và văn thư - Nhà máy Thép Tân Bình, Công ty Thép Miền Nam;
- 1999 - 2001: Nhân viên thống kê - Phân xưởng Cán, Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 2001 - 2003: Nhân viên ISO - Phòng Tổ chức, Nhà máy Thép Thủ Đức;
- 2003 - nay: Chuyên viên nhân sự - Phòng Tổ chức, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL;
- 4/2015 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG**



Họ và tên: Nguyễn Quốc Cường

Sinh ngày: 16/10/1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp

Chức vụ: Kỹ sư An toàn Lao động - Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL

### QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

- 2001 - 2004: Đại học Công nghiệp TP. HCM, Cao đẳng Điện công nghiệp;
- 2009 - 2012: Đại học Kỹ thuật công nghệ TP.HCM, Kỹ sư Điện công nghiệp.

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 5/2004 - 4/2012: Công nhân sửa chữa điện - Phân xưởng Cán thép Công ty cổ phần Thép Thủ Đức;
- 5/2012 - 4/2014: Nhân viên Thủ kho - Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty cổ phần Thép Thủ Đức;
- 5/2014 - nay: Kỹ sư An toàn Lao động - Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL. ✓